

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN  
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC LONG AN**



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY TNHH MTV  
CẤP NƯỚC LONG AN**

*TP. Tân An, tháng 03 năm 2013*

# MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| <b>PHẦN I CÁC KHÁI NIỆM</b> .....  | 4  |
| <b>PHẦN II TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP</b> .....  | 5  |
| <b>I. TỔNG QUAN</b> .....  | 5  |
| 1. Giới thiệu về Công ty .....   | 5  |
| 2. Ngành nghề kinh doanh .....   | 5  |
| 3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu .....   | 5  |
| 4. Quá trình hình thành và phát triển .....  | 6  |
| 5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An .....                                       | 7  |
| 6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con .....   | 22 |
| 7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước<br>cổ phần hóa .....          | 22 |
| 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....                                  | 29 |
| <b>II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ<br/>DOANH NGHIỆP</b> .....                   | 29 |
| 1. Thực trạng về tài sản cố định .....   | 29 |
| 2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng .....  | 30 |
| 3. Thực trạng về tài chính, công nợ .....  | 33 |
| 4. Thực trạng về lao động .....  | 33 |
| <b>III. KẾT LUẬN</b> .....   | 34 |
| <b>PHẦN III PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA</b> .....  | 35 |
| <b>I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN</b> .....  | 35 |
| 1. Cơ sở pháp lý .....   | 35 |
| 2. Mục tiêu cổ phần hóa .....  | 35 |
| 3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa .....  | 36 |
| 4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa .....   | 36 |
| <b>II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA</b> .....  | 39 |
| 1. Hình thức cổ phần hóa .....   | 39 |
| 2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến .....   | 39 |
| 3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ .....   | 39 |
| 4. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành<br>cổ phần qua đấu giá ..... | 40 |
| 5. Loại cổ phần và phương thức phát hành .....   | 43 |
| 6. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa .....  | 43 |

---

|  |    |
|--|----|
| 7. Chi phí cổ phần hóa.....                                | 43 |
| 8. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước.....               | 44 |
| 9. Phương án sắp xếp lại lao động.....                     | 45 |
| 10. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty..... | 46 |
| 12. Các rủi ro dự kiến.....                                | 53 |
| III.KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ.....                              | 55 |

## PHẦN I CÁC KHÁI NIỆM

| KHÁI NIỆM | ĐỊNH NGHĨA  |
|-----------|---|
| ▪ Công ty | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An |
| ▪ UBND    | Ủy ban nhân dân   |
| ▪ GCNĐKKD | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh                          |
| ▪ CB CNV  | Cán bộ Công nhân viên                                       |
| ▪ HĐKD    | Hoạt động kinh doanh  |
| ▪ DT      | Doanh thu   |
| ▪ LN      | Lợi nhuận   |
| ▪ LNTT    | Lợi nhuận trước thuế  |
| ▪ LNST    | Lợi nhuận sau thuế  |

## PHẦN II TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

### I. TỔNG QUAN

#### 1. Giới thiệu về Công ty

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC LONG AN**
- Tên tiếng Anh : **LONG AN WATER SUPPLY COMPANY LIMITED**
- Địa chỉ : 250 Hùng Vương, P.4, TP. Tân An, Tỉnh Long An
- Điện thoại : (072) 3825 114 Fax : (072) 3826 040
- Mã số thuế : 1100101500
- Website : [www.lawaco.com.vn](http://www.lawaco.com.vn) Email : [info@lawaco.com.vn](mailto:info@lawaco.com.vn)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 1100101500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/07/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 09/08/2010.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100101500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/07/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 09/08/2010, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Khai thác và cung Cấp nước sạch (trên địa bàn Thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong Tỉnh);
- Sản xuất nước uống đóng chai;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống Cấp nước;
- Dịch vụ khoan giếng;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung Cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị Cấp nước;

#### 3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Trên cơ sở ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An hiện đang cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu sau:

- Cung Cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh (trên địa bàn Thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong Tỉnh);

- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống Cấp nước;
- Cung cấp dịch vụ khoan giếng;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung Cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị Cấp nước;

#### 4. Quá trình hình thành và phát triển

##### ▪ Lịch sử hình thành và phát triển

Năm 1956: nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung Cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước. Đây là tiền thân của Công ty Cấp nước Long An.

Đến năm 1979, do tình hình phát triển Thị xã Tân An nhu cầu nước sạch ngày một tăng cao, để đáp ứng nhu cầu cung Cấp nước cho khu vực, Xí nghiệp Cấp nước tiến hành xây dựng trạm bơm nước, lấy nước từ sông Bảo Định, xử lý và cung cấp cho khu vực với công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Ngày 21/11/1992 UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 1186.UB.QĐ.92 đổi tên Xí nghiệp Cấp nước Long An thành Công ty Cấp nước Long An, trực thuộc Sở Xây dựng Long An.

Đến năm 2007, căn cứ theo nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006 về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và căn cứ quyết định số 1214/QĐ-UBND của UBND Tỉnh về phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Long An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Toàn Công ty có công suất là 37.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm, bao gồm sản lượng từ các Xí nghiệp: Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh.

Ngày 23/02/2009, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 519/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Đến ngày 04/12/2009 và 10/11/2011, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 3193/QĐ-UBND và quyết định số 3577/QĐ-UBND để thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cấp nước Long An. Hiện nay, Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đang thực hiện cổ phần hóa Doanh nghiệp và dự tính trong năm 2013 sẽ đi vào hoạt động với mô hình Công ty cổ phần.

##### ▪ Các thành tựu đạt được

Trong thời gian vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được một số thành tựu sau:

- Huân chương Lao động hạng Ba.
- Bằng khen của Bộ Xây dựng, Bộ Công nghiệp.
- Các bằng khen do UBND Tỉnh Long An trao tặng vì có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác.

## 5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An

### 5.1 Cơ cấu tổ chức

Bộ máy tổ chức của Công ty bao gồm khối văn phòng và khối sản xuất. Trong đó khối văn phòng bao gồm: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là người đứng đầu và điều hành chính các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hỗ trợ cho Giám đốc là 02 Phó Giám đốc. Các phòng ban chức năng bao gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Phòng Kế toán Tài vụ, Phòng Kỹ thuật Vật tư và Phòng Hợp tác Đầu tư. Khối sản xuất bao gồm: Ban chống thất thoát, Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen và Đội Đường ống. Các đơn vị của mỗi khối có sự quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn cho từng bộ phận, phòng ban cũng như những kỹ năng cần thiết cho từng chức vụ, vị trí. Bên cạnh đó, bộ máy tổ chức của Công ty cũng thể hiện quan hệ chỉ đạo hay quan hệ nghiệp vụ, hỗ trợ giữa các phòng ban.

### 5.2 Chức năng, nhiệm vụ của các cá nhân, phòng ban

- **Chủ tịch kiêm Giám đốc:**
  - Quyết định kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy, ban hành các nội quy, quy chế, quản lý biên chế bộ máy quản lý Công ty;
  - Quyết định dự án đầu tư của Công ty theo phân cấp của chủ sở hữu Công ty;
  - Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay;
  - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật từ Phó Giám đốc trở xuống theo nghị quyết của Cấp ủy;
  - Là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình là người đại diện pháp luật của Công ty.
- **Bộ máy giúp việc cho Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty:**
  - Có 2 Phó Giám đốc Công ty do Chủ tịch kiêm Giám đốc bổ nhiệm.

- Là người giúp việc cho Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ điều hành các bộ phận và các lĩnh vực thuộc quyền do Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty phân công.

▪ **Phòng Tổ chức – Hành chính:**

- Tham mưu cho Chủ tịch kiêm Giám đốc trong việc tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, điều động, cho thôi việc đối với cán bộ - công nhân viên thuộc các Phòng, Ban, Đội và các Xí nghiệp trực thuộc Công ty sao cho phù hợp với trình độ nghiệp vụ, chuyên môn nhằm phát huy khả năng và hiệu quả làm việc cao nhất của người lao động;
- Tham mưu Chủ tịch kiêm Giám đốc trong công tác quy hoạch cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật để có kế hoạch đào tạo, sắp xếp hoạt động hiệu quả bền vững;
- Tham mưu cho Chủ tịch kiêm Giám đốc trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đề xuất nâng lương và mức phụ cấp đối với các chức danh quản lý và người lao động trong Công ty;
- Phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn soạn thảo Thỏa ước lao động tập thể hàng năm;
- Quản lý tài sản Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc;
- Quản lý công tác văn thư, văn phòng phẩm, đội xe, hệ thống mạng máy tính, website;
- Nghiên cứu đề xuất phương án đào tạo, quy trình tuyển dụng, các chế độ chính sách khi cử người đi học;
- Xây dựng các định mức đơn giá về lao động. Lập và quản lý quỹ lương, các quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng theo quy định của Nhà nước và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tiếp nhận, xử lý và chuyển thông tin tới các bộ phận có liên quan;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Theo dõi công tác dân quân tự vệ của Công ty;
- Xây dựng chương trình công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ Công ty, theo dõi xử lý các đơn khiếu nại, thường trực trong công tác tiếp công dân, thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ;
- Tổ chức tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng Nhà nước đến thanh tra, kiểm tra tại Công ty;



- Là thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của Công ty, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật. Là thường trực giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ của Công ty.

▪ **Phòng Kế hoạch – Kinh doanh:**

- Hàng năm căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nói chung và của ngành mình nói riêng, phối hợp với Ban nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển Công ty để đề ra kế hoạch quỹ tiền lương, kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể ở từng lĩnh vực như khai thác và cung Cấp nước sạch, phát triển hệ thống đường ống phân phối nước và mạng lưới ống nhánh cụ thể cho từng khu vực;
- Theo dõi và đánh giá kết quả sản xuất – kinh doanh hàng tháng, 06 tháng, năm bằng văn bản trình Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty;
- Theo dõi tình hình biến động giá cả thị trường của các loại vật tư, thiết bị ngành nước, sự thay đổi các chế độ tài chính, tiền lương, phối hợp cùng Ban soạn thảo giá nước lập phương án điều chỉnh giá để đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh lại giá nước theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ mọi chi phí đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả và phát triển bền vững;
- Nghiên cứu các Nghị định, thông tư, hướng dẫn... mới nhất để đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và mang lại hiệu quả cho Công ty;
- Tiếp nhận, hướng dẫn các thủ tục cho khách hàng vô nước mới, lắp đặt ống nhánh;
- Khảo sát, lập chiết tính với khách hàng có nhu cầu sử dụng nước từ đồng hồ Φ60 trở xuống, lập hợp đồng và thanh lý hợp đồng vô nước, lắp đặt ống nhánh cho khách hàng phải đúng quy định Công ty đã đề ra, sau đó chuyển hồ sơ cho phòng Kế toán tài vụ để theo dõi và làm thủ tục tiếp theo;
- Nhận số liệu chỉ số đồng hồ nước từ các Xí nghiệp, nhập dữ liệu, in hóa đơn và giao lại các Xí nghiệp (giấy báo và liên giao khách hàng) theo đúng tiến độ các bên thống nhất và thông qua Chủ tịch kiêm Giám đốc;
- Quản lý và in hóa đơn tiền nước thật chặt chẽ, tránh mất mát, hạn chế in sai, sắp xếp, lưu trữ đúng quy định, thuận tiện cho việc kiểm tra, quyết toán hàng năm;
- Hàng tháng, theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như những thuận lợi, khó khăn vướng mắc trong kinh doanh trình Chủ tịch kiêm Giám đốc chỉ đạo kịp thời;
- Tổng hợp doanh thu tiền nước hàng ngày đối với XN Cấp nước Tân An, hàng tháng đối với XN Cấp nước Gò Đen, Bình Ảnh theo số liệu các Xí nghiệp chuyển

đến, chuyên phòng Kế toán tài vụ tính lương cho CB CNV trong Công ty. Báo cáo thuế theo định kỳ.

- Phối hợp cùng Ban chống thất thoát để thực hiện công tác thay đổi đối tượng giá, thông tin khách hàng, thanh lý hợp đồng;
- Thu thập số liệu từ các phòng, ban, đội, Xí nghiệp để thực hiện công tác báo cáo thống kê.

▪ **Phòng Kỹ thuật - Vật tư:**

Có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty những lĩnh vực công tác sau:

- Thỏa thuận phương án Cấp nước (phương án thiết kế) cho các nhà đầu tư đối với các khu dân cư, khu công nghiệp và các thủ tục để nghiệm thu đầu nối, bàn giao cho Công ty quản lý;
- Cập nhật các tài liệu, báo cáo khoa học công nghệ mới, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ Cấp nước;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát thi công các công trình do Công ty làm chủ đầu tư hoặc các chủ đầu tư là khách hàng của Công ty;
- Quản lý kỹ thuật, lập báo cáo định kỳ về Cấp nước, môi trường... gửi về các cơ quan có liên quan theo quy định hiện hành;
- Theo dõi chất lượng nước thô, nước sau xử lý và trên mạng lưới phân phối để từ đó có kế hoạch xử lý chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định;
- Tham mưu cho Ban Giám đốc công tác duy tu, bảo dưỡng thay thế, lắp đặt mới hệ thống Cấp nước, đảm bảo đúng tiêu chuẩn chất lượng quy định;
- Quản lý kho vật tư tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An;
- Khảo sát, lập chiết tính, hợp đồng thi công lắp đặt với khách hàng có nhu cầu sử dụng nước từ đồng hồ lớn hơn  $\Phi 60$ ;
- Kiểm soát chiết tính vô nước mới, di dời đồng hồ.
- Thực hiện các thủ tục và quản lý đầu tư các công trình cải tạo, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng, nâng cấp các công trình do Công ty đầu tư và quản lý;
- Theo dõi, quản lý các công trình đầu tư tuyến ống Cấp nước do UBND thành phố Tân An hoặc các đơn vị khác đầu tư;
- Quan hệ làm việc với các chủ đầu tư để thỏa thuận hoàn thiện các hợp đồng tư vấn thiết kế, thi công, giám sát các công trình Cấp nước do các nhà đầu tư làm chủ đầu tư khi được Giám đốc Công ty ủy quyền;

**▪ Phòng Kế toán – Tài vụ:**

Là một phòng nghiệp vụ giúp Giám đốc Công ty trong lĩnh vực sau:

- Thực hiện nhiệm vụ theo luật Kế toán, chuẩn mực Kế toán và quy chế quản lý tài chính;
- Quản lý thu, chi tài chính theo đúng chế độ quy định, đề xuất sử dụng vốn sao cho hoạt động có hiệu quả nhất và đúng chế độ quy định;
- Lập bảng kê chứng từ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày;
- Theo dõi các khoản phải thu, phải trả;
- nắm chắc tình hình tăng giảm tài sản cố định để hạch toán khấu hao chính xác và đúng tiến độ.
- Theo dõi các nguồn vốn vay đầu tư cho các dự án, các công trình cải tạo và thanh quyết toán kịp thời khối lượng từng phần cũng như quyết toán công trình hoàn thành bàn giao;
- Hàng tháng kết hợp với Kế toán hóa đơn (Phòng KH-KD) tổng hợp tình hình thực thu tiền nước, căn cứ với đơn giá nội bộ được duyệt, lập bảng thanh toán tiền lương cho CB CNV kịp thời, chính xác;
- Thu tiền lắp đặt ống nhánh kịp thời chuyển về Phòng KH-KD vào sổ bộ;
- Theo định kỳ hàng tháng, quý phải tổng hợp các khoản chi phí, hạch toán lãi, lỗ đề xuất những biện pháp giải quyết trình Giám đốc chỉ đạo;
- Hàng năm lập báo cáo quyết toán, cân đối thu, chi và phải tính các khoản lãi, lỗ tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách và phân bổ các quỹ trình Giám đốc phê duyệt;
- Theo dõi tình hình xuất, nhập kho vật tư, hàng hóa. Hàng quý báo cáo tình hình thiết bị. Đề xuất nhập vật tư đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, và đề xuất xử lý hàng tồn kho (nếu có)
- Kiểm tra, giám sát nghiệp vụ Kế toán của các đơn vị trực thuộc (theo định kỳ đề ra).

**▪ Phòng Hợp tác – Đầu tư:**

Phòng Hợp tác – Đầu tư là 1 bộ phận của Công ty TNHH 01 Thành viên Cấp nước Long An, thực hiện các công việc quản lý các dự án đầu tư, các công trình xây dựng cơ bản do Công ty quản lý và quan hệ với các nhà đầu tư để thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực Cấp nước;

- Thực hiện các thủ tục lập, trình phê duyệt các dự án đầu tư do Công ty quản lý làm chủ đầu tư;
  - Quản lý các dự án đầu tư, các công trình xây dựng cơ bản được đầu tư mới do Công ty đầu tư và quản lý;
  - Theo dõi, giám sát việc thực hiện tiến độ thi công cũng như chất lượng công trình, tổ chức nghiệm thu, lập khối lượng quyết toán các công trình đầu tư xây dựng cơ bản do Công ty làm chủ đầu tư;
  - Quan hệ và làm việc với các đối tác trong lĩnh vực hợp tác đầu tư các dự án Cấp nước trong quá trình thực hiện dự án;
  - Tham mưu cho Giám đốc Công ty các vấn đề liên quan đến các nhiệm vụ trên;
  - Được sự điều hành trực tiếp của Giám đốc Công ty để thực hiện các công việc được giao;
  - Được quan hệ và làm việc với các bộ phận trong Công ty và các Xí nghiệp trực thuộc để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
  - Được quan hệ và làm việc với các đối tác, nhà đầu tư khi được Giám đốc Công ty trực tiếp giao nhiệm vụ;
  - Được quan hệ và làm việc với các ngành chức năng để thực hiện và hoàn thành công việc được giao khi được Giám đốc Công ty trực tiếp giao nhiệm vụ;
  - Thực hiện các quy định chung của Công ty.
- **Ban chống thất thoát:**
- Ban chống thất thoát nước là một bộ phận trực thuộc Công ty TNHH 01 Thành viên Cấp nước Long An, chịu sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của Giám đốc và các Phó Giám đốc Công ty ủy quyền;
  - Các cán bộ thuộc Ban chống thất thoát nước là các cán bộ đảm nhiệm công tác chuyên trách và các cán bộ đang đảm nhiệm các công việc khác thực hiện công tác kiêm nhiệm của chống thất thoát nước;

**Cơ cấu Ban chống thất thoát nước:**

- 01 trưởng ban;
- 01 phó ban;
- Tổ đánh giá hiện trạng mạng lưới Cấp nước;
- Tổ đánh giá hiện trạng hệ thống ống nhánh – đồng hồ khách hàng;
- Tổ tham mưu – tư vấn chuyên môn – quản lý mạng;

- Tổ sửa chữa, khắc phục sự cố, kiểm định đồng hồ;
- Trong hoạt động của Ban phải chấp hành đúng điều lệ, quy chế của Công ty và Pháp luật của Nhà nước;
- Mức lương và phụ cấp của Ban do Phòng Tổ chức hành chính lập và Giám đốc Công ty phê duyệt;

#### **Chức năng nhiệm vụ của Ban chống thất thoát nước:**

- Lập bản đồ nền và cập nhật kịp thời hệ thống mạng lưới Cấp nước của toàn Công ty;
- Điều tra đánh giá hiện trạng mạng lưới Cấp nước do Công ty quản lý nhằm phục vụ công tác lập lại bản đồ hệ thống Cấp nước của Công ty, bổ sung vào mạng những việc còn thiếu, các thiết bị cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý, làm cơ sở cho việc phân vùng tách mạng chống thất thoát, lưu trữ cung cấp thông tin cho công tác quản lý tài sản doanh nghiệp của Công ty;
- Điều tra đánh giá hiện trạng hệ thống ống nhánh – đồng hồ khách hàng, kiểm tra việc ghi chép đồng hồ. Thống kê, kiểm định lại đồng hồ của từng tuyến đường, từng khu vực, từng vùng, thời gian sử dụng, sai số của đồng hồ để đề nghị thay thế theo kế hoạch cho phù hợp đảm bảo chất lượng, lưu trữ cung cấp thông tin cho công tác quản lý tài sản doanh nghiệp của Công ty;
- Lập kế hoạch, phương án đề ra các biện pháp quản lý mạng lưới Cấp nước để điều tiết lưu lượng áp lực cần thiết của hoạt động mạng lưới Cấp nước, kiểm soát điều tra, khắc phục các sự cố rò rỉ trên mạng lưới Cấp nước từ trạm bơm cấp 2 đến đồng hồ khách hàng, kịp thời sửa chữa các sự cố;
- Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng nước của khách hàng và xử lý kịp thời các trường hợp sử dụng nước bất hợp pháp của khách hàng. Tham gia nghiệm thu, kiểm tra việc lắp đặt ống nhánh và đồng hồ khách hàng nhằm cập nhật vào hồ sơ lưu và quản lý khách hàng;
- Phân vùng tách mạng để kiểm soát thất thoát trên mạng lưới chuyển tải và phân phối;
- Học tập, nghiên cứu, soạn thảo và áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý hệ thống Cấp nước, nghiên cứu đánh giá chế độ làm việc của mạng lưới Cấp nước để có kế hoạch cụ thể cho việc chống thất thoát mang lại hiệu quả tối ưu;
- Nghiên cứu và đề xuất sử dụng các thiết bị, vật tư chuyên ngành phù hợp để hạn chế thất thoát do nguyên nhân thiết bị, như đồng hồ nước (thủy lượng kế), van khóa, đường ống và các phụ tùng thiết bị khác;

- Kiểm tra giám sát chất lượng vật tư, chất lượng thi công, đấu nối, cùng tham gia nghiệm thu các công trình hoàn thành theo thiết kế kỹ thuật;
- Tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của khách hàng liên quan đến việc sử dụng nước;
- Chuyển thông tin đến các bộ phận liên quan của Công ty để kịp thời xử lý các yêu cầu của khách hàng, thực hiện các quy định của Công ty;
- Kiểm tra lập biên bản, chốt chỉ số đồng hồ khách hàng khi có yêu cầu thanh lý hợp đồng, đồng hồ nước sử dụng quá thời gian quy định, sai số theo kết quả kiểm tra, không hoạt động do các lý do tác động từ bên ngoài;
- Kiểm tra lập biên bản nhằm mục đích giúp bộ phận phụ trách thực hiện thủ tục chuyển giá hay có sự thay đổi về mục đích sử dụng của khách hàng;
- Khảo sát đo đạc khi có yêu cầu di dời đồng hồ từ phía khách hàng hoặc trong quá trình điều tra đánh giá hiện trạng thực tế không phù hợp với các quy định của Công ty;
- Đề xuất các vật tư thiết bị phục vụ cho các công việc của Ban chống thất thoát;
- Kết hợp với các ngành chức năng để xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trái phép, xâm hại đến hệ thống Cấp nước do Công ty quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Kiểm tra đồng hồ khách hàng có chỉ số biến động bất thường, có khả năng gây thất thoát nước, đồng thời kết hợp với các bộ phận liên quan để xử lý theo quy định:

#### **Quyền hạn của Ban chống thất thoát nước:**

- Được quyền đánh giá thực tế, kiểm tra toàn bộ mọi hoạt động trên hệ thống mạng lưới Cấp nước từ đồng hồ tổng của trạm bơm cấp II đến đồng hồ khách hàng;
- Được cung cấp các tài liệu phục vụ cho công tác phòng chống thất thoát nước khi có nhu cầu và phải được sự đồng ý của Giám đốc Công ty;
- Được hưởng mọi quyền lợi về chế độ của Công ty và Nhà nước quy định;
- Được quan hệ với các bộ phận của Công ty và Ban Giám đốc để đề xuất các giải pháp chống thất thoát và xin các chủ trương liên quan đến công tác chống thất thoát nước;
- Được tham gia tập huấn các khóa chuyên môn về phòng chống thất thoát;

#### **Trách nhiệm của Ban chống thất thoát nước:**

- Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại quy chế này;

- Học hỏi và nghiên cứu các tài liệu để phục vụ tốt cho công tác phòng chống thất thoát nước, luôn tự nâng cao nghiệp vụ và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau đặc biệt là kinh nghiệm từ các Công ty bạn trong nước và nước ngoài;
- Bảo quản trang thiết bị được giao để phục vụ cho công tác chống thất thoát nước;
- Bảo đảm việc lưu trữ hồ sơ có liên quan đến công tác chống thất thoát nước.

▪ **Đội Quản lý đường ống:**

- Quản lý và điều chỉnh hệ thống valve và áp lực trong mạng lưới đường ống, đảm bảo Cấp nước được liên tục đến người tiêu dùng;
- Thi công, lắp đặt các tuyến ống nhánh, ống phân phối và chuyển tải do Công ty quản lý và đầu tư;
- Sửa chữa các tuyến ống cung Cấp nước sạch bị bể, nghẹt;
- Súc rửa mạng lưới cung Cấp nước theo định kỳ;
- Sửa chữa và thay thế thủy lượng kế.

▪ **Xí nghiệp Cấp nước Tân An:**

**Quy định chung:**

Xí nghiệp Cấp nước Tân An là một đơn vị sản xuất – kinh doanh hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước Long An, chịu sự quản lý toàn diện về nhiệm vụ chính trị, tổ chức sản xuất - kinh doanh hạch toán báo sổ và được mở tài khoản tại Ngân hàng theo sự chỉ đạo của Công ty.

**Nhiệm vụ của Xí nghiệp Cấp nước Tân An:**

Xí nghiệp quản lý khai thác hệ thống cung Cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất – kinh doanh trên địa bàn TP Tân An;

- Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của chính Xí nghiệp;
- Đề xuất phương án phát triển mạng lưới phân phối, phối hợp với chủ trương của Công ty;
- Tổ chức lực lượng thu ngân đúng, nộp đủ và đúng thời gian quy định phát hiện kịp thời những khách hàng sử dụng trái phép để kết hợp với Ban chống thất thoát kiểm tra xử lý;

**Tổ chức quản lý:**

Xí nghiệp có 01 Giám đốc, 01 – 02 Phó Giám đốc, 01 nhân viên Kế toán. Chức vụ Giám đốc Xí nghiệp sẽ do Ban lãnh đạo Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước Long An

bổ nhiệm. Giám đốc Xí nghiệp là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và pháp luật về mọi hoạt động của Xí nghiệp;

- Giám đốc Xí nghiệp là người đại diện cho Công ty để quản lý Xí nghiệp theo chế độ người đứng đầu, Giám đốc chịu trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về mọi quyết định của mình;
- Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất – kinh doanh, kỹ thuật, an toàn lao động, an ninh trật tự và sự phát triển của Xí nghiệp;
- Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm phân công nhân viên, đề xuất nhân sự để Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, bố trí nhân sự sao cho có hiệu quả;
- Cán bộ nhân viên của Xí nghiệp được trả lương, thưởng theo kết quả công việc do mình làm và trên cơ sở sản lượng, sản phẩm do đơn vị mình làm ra;
- Tài sản Xí nghiệp thuộc sở hữu của toàn Công ty, Công ty đại diện quản lý và giao quyền quản lý sử dụng cho Xí nghiệp, mọi sự chiếm đoạt phá hoại, lãng phí, mất mát tài sản dưới bất cứ hình thức nào đều bị coi là bất hợp pháp và Giám đốc Xí nghiệp phải chịu trách nhiệm;
- Xí nghiệp phải thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu, kế hoạch của Công ty giao, chấp hành đầy đủ mọi quy định, nội quy lao động của Công ty;
- Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm trước Công ty, Nhà nước về tổ chức Kế toán của Xí nghiệp. Công tác Kế toán của Xí nghiệp đảm bảo đúng theo luật Kế toán, chuẩn mực Kế toán và quy chế quản lý tài chính;
- Các chứng từ Kế toán phải bảo đảm đầy đủ nội dung, cách lập, hình thức theo quy định của Công ty. Bộ phận Kế toán phải chịu sự kiểm tra, hướng dẫn Kế toán của Công ty;

Là Xí nghiệp hoạt động theo nguyên tắc hạch toán báo sổ, bao gồm các công tác sau:

- Lập sổ theo dõi tình hình thu chi tại Xí nghiệp, hàng tháng trình Giám đốc xem xét;
- Quản lý ngân quỹ, phân phát lương cho nhân viên của nhà máy;
- Lắp đặt, sửa chữa ống nhánh, thủy lượng kế cho khách hàng khi có yêu cầu.
- Vận hành hệ thống khai thác và xử lý, cung Cấp nước sạch cho khách hàng. Đảm bảo vận hành đúng quy trình và những quy định an toàn đã đề ra;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa hệ thống mạng lưới đường ống Cấp nước trên địa bàn TP Tân An do Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước quản lý;



- Hàng tháng, ghi các chỉ số thủy lượng kế đầy đủ, chính xác giao về phòng Kế hoạch – Kinh doanh để in ấn và phát hóa đơn trở lại cho Xí nghiệp Cấp nước Tân An để thu tiền sử dụng nước của khách hàng, gửi vào ngân hàng và lưu quỹ theo đúng chế độ quy định;
- Khi có nhu cầu về các vật tư, thiết bị ngành nước, Giám đốc Xí nghiệp có văn bản trình Giám đốc Công ty xét duyệt và nhận vật tư, thiết bị từ phòng Kỹ thuật - Vật tư;
- Bảo vệ sự an toàn tài sản của toàn bộ khu vực Xí nghiệp và các trạm bơm cấp 1 thuộc sự quản lý của Xí nghiệp Cấp nước Tân An.

▪ **Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen:**

**Quy định chung:**

Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen là một đơn vị sản xuất – kinh doanh hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước Long An, chịu sự quản lý toàn diện về nhiệm vụ chính trị, tổ chức sản xuất - kinh doanh hạch toán báo sổ và được mở tài khoản tại Ngân hàng theo sự chỉ đạo của Công ty.

**Nhiệm vụ của Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen:**

Xí nghiệp quản lý khai thác hệ thống cung Cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất – kinh doanh trên địa bàn Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An;

- Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của chính Xí nghiệp;
- Đề xuất phương án phát triển mạng lưới phân phối, phối hợp với chủ trương của Công ty;
- Tổ chức lực lượng thu ngân đúng, nộp đủ và đúng thời gian quy định phát hiện kịp thời những khách hàng sử dụng trái phép để kết hợp với Ban chống thất thoát kiểm tra xử lý;

**Tổ chức quản lý:**

Xí nghiệp có 01 Giám đốc, 01 – 02 Phó Giám đốc, 01 nhân viên Kế toán. Chức vụ Giám đốc Xí nghiệp sẽ do Ban lãnh đạo Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước Long An bổ nhiệm. Giám đốc Xí nghiệp là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và pháp luật về mọi hoạt động của Xí nghiệp;

- Giám đốc Xí nghiệp là người đại diện cho Công ty để quản lý Xí nghiệp theo chế độ người đứng đầu, Giám đốc chịu trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về mọi quyết định của mình;

- Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất – kinh doanh, kỹ thuật, an toàn lao động, an ninh trật tự và sự phát triển của Xí nghiệp;
- Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm phân công nhân viên, đề xuất nhân sự đề Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, bố trí nhân sự sao cho có hiệu quả;
- Cán bộ nhân viên của Xí nghiệp được trả lương, thưởng theo kết quả công việc do mình làm và trên cơ sở sản lượng, sản phẩm do đơn vị mình làm ra;
- Tài sản Xí nghiệp thuộc sở hữu của toàn Công ty, Công ty đại diện quản lý và giao quyền quản lý sử dụng cho Xí nghiệp, mọi sự chiếm đoạt phá hoại, lãng phí, mất mát tài sản dưới bất cứ hình thức nào đều bị coi là bất hợp pháp và Giám đốc Xí nghiệp phải chịu trách nhiệm;
- Xí nghiệp phải thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu, kế hoạch của Công ty giao, chấp hành đầy đủ mọi quy định, nội quy lao động của Công ty;
- Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm trước Công ty, Nhà nước về tổ chức Kế toán của Xí nghiệp. Công tác Kế toán của Xí nghiệp đảm bảo đúng theo luật Kế toán, chuẩn mực Kế toán và quy chế quản lý tài chính;
- Các chứng từ Kế toán phải bảo đảm đầy đủ nội dung, cách lập, hình thức theo quy định của Công ty. Bộ phận Kế toán phải chịu sự kiểm tra, hướng dẫn Kế toán của Công ty;

Là Xí nghiệp hoạt động theo nguyên tắc hạch toán báo sổ, bao gồm các công tác sau:

- Lập sổ theo dõi tình hình thu chi tại Xí nghiệp, hàng tháng trình Giám đốc xem xét;
- Quản lý ngân quỹ, phân phát lương cho nhân viên của nhà máy;
- Lắp đặt, sửa chữa ống nhánh, thủy lượng kế cho khách hàng khi có yêu cầu.
- Vận hành hệ thống khai thác và xử lý, cung Cấp nước sạch cho khách hàng. Đảm bảo vận hành đúng quy trình và những quy định an toàn đã đề ra;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa hệ thống mạng lưới đường ống Cấp nước trên địa bàn Huyện Bến Lức do Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước quản lý;
- Hàng tháng, ghi các chỉ số thủy lượng kế đầy đủ, chính xác giao về phòng Kế hoạch – Kinh doanh để in ấn và phát hóa đơn trở lại cho Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen để thu tiền sử dụng nước của khách hàng, gửi vào ngân hàng và lưu quỹ theo đúng chế độ quy định;
- Khi có nhu cầu về các vật tư, thiết bị ngành nước, Giám đốc Xí nghiệp có văn bản trình Giám đốc Công ty xét duyệt và nhận vật tư, thiết bị từ phòng Kỹ thuật-Vật tư;

- Bảo vệ sự an toàn tài sản của toàn bộ khu vực Xí nghiệp và các trạm bơm cấp 1 thuộc sự quản lý của Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen.

▪ **Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh:**

**Quy định chung:**

Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh là một đơn vị sản xuất – kinh doanh hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước Long An, chịu sự quản lý toàn diện về nhiệm vụ chính trị, tổ chức sản xuất - kinh doanh hạch toán báo sổ và được mở tài khoản tại Ngân hàng theo sự chỉ đạo của Công ty.

**Nhiệm vụ của Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh:**

Xí nghiệp quản lý khai thác hệ thống cung Cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất – kinh doanh trên địa bàn Huyện Bến Lức đến TP Tân An;

- Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của chính Xí nghiệp;
- Đề xuất phương án phát triển mạng lưới phân phối, phối hợp với chủ trương của Công ty;
- Tổ chức lực lượng thu ngân đúng, nộp đủ và đúng thời gian quy định phát hiện kịp thời những khách hàng sử dụng trái phép để kết hợp với Ban chống thất thoát kiểm tra xử lý;

**Tổ chức quản lý:**

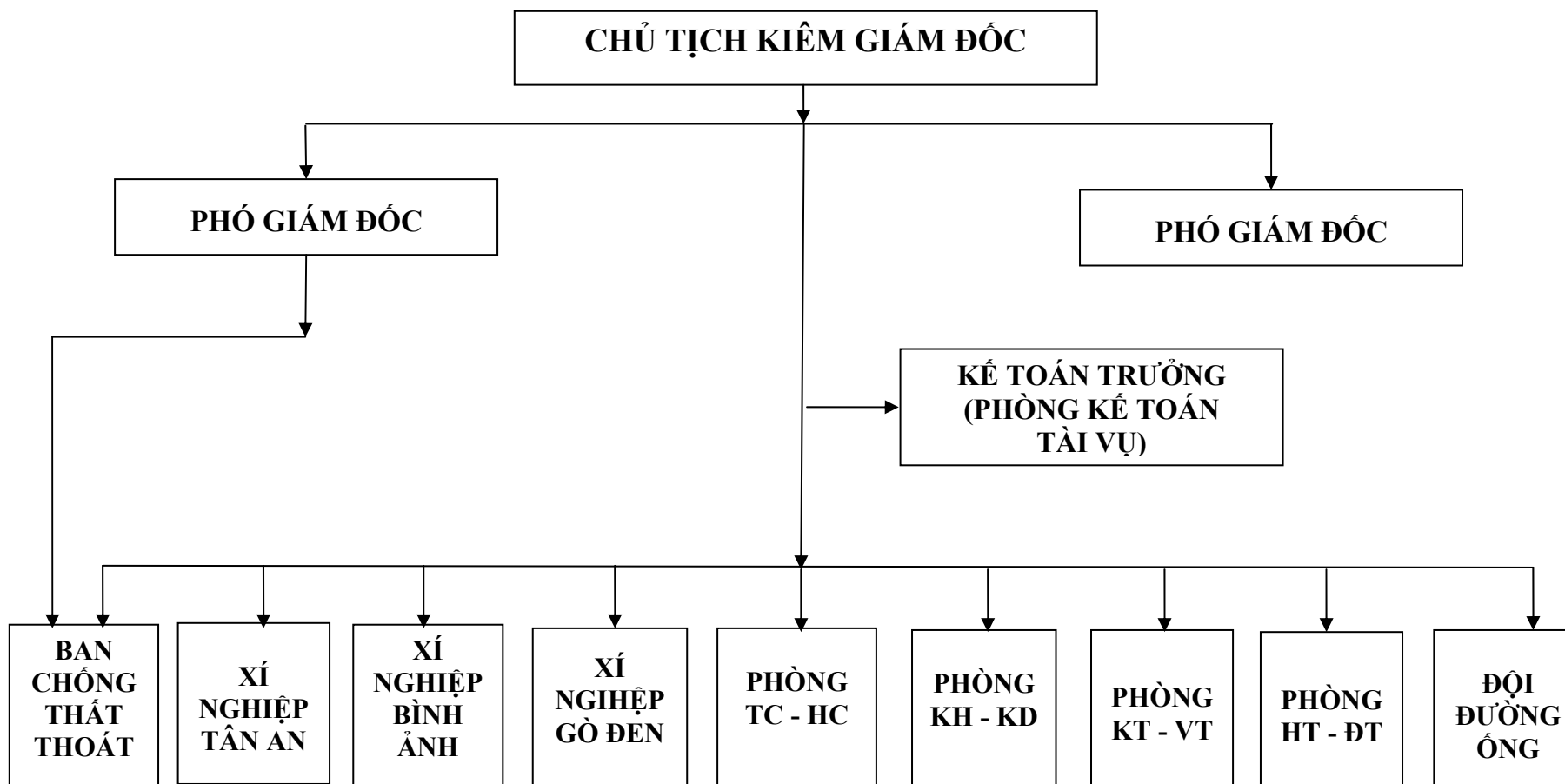
Xí nghiệp có 01 Giám đốc, 01 – 02 Phó Giám đốc, 01 nhân viên Kế toán, chức vụ Giám đốc Xí nghiệp sẽ do Ban lãnh đạo Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước Long An bổ nhiệm. Giám đốc Xí nghiệp là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và pháp luật về mọi hoạt động của Xí nghiệp;

- Giám đốc Xí nghiệp là người đại diện cho Công ty để quản lý Xí nghiệp theo chế độ người đứng đầu, Giám đốc chịu trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về mọi quyết định của mình;
- Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất – kinh doanh, kỹ thuật, an toàn lao động, an ninh trật tự và sự phát triển của Xí nghiệp;
- Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm phân công nhân viên, đề xuất nhân sự để Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, bố trí nhân sự sao cho có hiệu quả;
- Cán bộ nhân viên của Xí nghiệp được trả lương, thưởng theo kết quả công việc do mình làm và trên cơ sở sản lượng, sản phẩm do đơn vị mình làm ra;

- Tài sản Xí nghiệp thuộc sở hữu của toàn Công ty, Công ty đại diện quản lý và giao quyền quản lý sử dụng cho Xí nghiệp, mọi sự chiếm đoạt phá hoại, lãng phí, mất mát tài sản dưới bất cứ hình thức nào đều bị coi là bất hợp pháp và Giám đốc Xí nghiệp phải chịu trách nhiệm;
- Xí nghiệp phải thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu, kế hoạch của Công ty giao, chấp hành đầy đủ mọi quy định, nội quy lao động của Công ty;
- Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm trước Công ty, Nhà nước về tổ chức Kế toán của Xí nghiệp, công tác Kế toán của Xí nghiệp đảm bảo đúng theo luật Kế toán, chuẩn mực Kế toán và quy chế quản lý tài chính;
- Các chứng từ Kế toán phải bảo đảm đầy đủ nội dung, cách lập, hình thức theo quy định của Công ty. Bộ phận Kế toán phải chịu sự kiểm tra, hướng dẫn Kế toán của Công ty;
- Là Xí nghiệp hoạt động theo nguyên tắc hạch toán báo sổ, bao gồm các công tác sau:
  - Lập sổ theo dõi tình hình thu chi tại Xí nghiệp, hàng tháng trình Giám đốc xem xét;
  - Quản lý ngân quỹ, phân phát lương cho nhân viên của nhà máy;
  - Lắp đặt, sửa chữa ống nhánh, thủy lượng kế cho khách hàng khi có yêu cầu.
  - Vận hành hệ thống khai thác và xử lý, cung Cấp nước sạch cho khách hàng. Đảm bảo vận hành đúng quy trình và những quy định an toàn đã đề ra;
  - Quản lý, vận hành, sửa chữa hệ thống mạng lưới đường ống Cấp nước trên địa bàn Huyện Bến Lức do Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước quản lý;
  - Hàng tháng, ghi các chỉ số thủy lượng kế đầy đủ, chính xác giao về phòng Kế hoạch – Kinh doanh để in ấn và phát hóa đơn trở lại cho Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh để thu tiền sử dụng nước của khách hàng, gửi vào ngân hàng và lưu quỹ theo đúng chế độ quy định;
  - Khi có nhu cầu về các vật tư, thiết bị ngành nước, Giám đốc Xí nghiệp có văn bản trình Giám đốc Công ty xét duyệt, nhận vật tư, thiết bị từ phòng Kỹ thuật - Vật tư;
  - Bảo vệ sự an toàn tài sản của toàn bộ khu vực Xí nghiệp và các trạm bơm cấp 1 thuộc sự quản lý của Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh.

### 5.3 Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty

Với cơ cấu như trên, bộ máy tổ chức của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



**6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con****❖ Công ty mẹ**

Không có.

**❖ Công ty con**

Không có.

**❖ Công ty liên kết, liên doanh****Công ty TNHH Dịch vụ Cấp nước Đức Hòa**

Địa chỉ: A1, KCN Tân Đô, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Vốn Điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Vốn góp: 1.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 10% Vốn điều lệ.

Vốn hiện góp: 300.000.000 đồng

**7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa****7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh**

Là doanh nghiệp chuyên ngành hoạt động ở ngành cấp thoát nước, Doanh nghiệp có doanh thu chủ yếu từ cung Cấp nước và hệ thống đường ống phục vụ cho việc cấp thoát nước. Ngoài ra, Doanh nghiệp có một khoản doanh thu từ hoạt động tài chính.

**Cơ cấu doanh thu trước cổ phần hóa**

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Nhóm Hàng hóa/<br>Dịch vụ                          | Năm 2009      |              | Năm 2010      |              | Năm 2011      |              | 6T/2012       |              |
|--|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
|  | Doanh thu     | Tỷ trọng (%) | Doanh thu     | Tỷ trọng (%) | Doanh thu     | Tỷ trọng (%) | Doanh thu     | Tỷ trọng (%) |
| Doanh thu từ kinh doanh nước và thi công đường ống | 29.439        | 98,96        | 39.202        | 98,87        | 57.957        | 98,72        | 34.422        | 98,88        |
| Doanh thu tài chính                                | 189           | 0,63         | 369           | 0,93         | 684           | 1,17         | 348           | 1,00         |
| Doanh thu khác                                     | 121           | 0,41         | 78            | 0,20         | 69            | 0,12         | 42            | 0,12         |
| <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>29.749</b> | <b>100</b>   | <b>39.649</b> | <b>100</b>   | <b>58,710</b> | <b>100</b>   | <b>34.812</b> | <b>100</b>   |

(Nguồn: LAWACO)

**Cơ cấu lợi nhuận gộp trước cổ phần hóa**

Đơn vị tính: triệu đồng

| Nhóm Hàng hóa/<br>Dịch vụ                          | Năm 2009      |              | Năm 2010      |              | Năm 2011      |              | 6T/2012       |              |
|--|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
|  | Lợi nhuận gộp | Tỷ trọng (%) | Lợi nhuận gộp | Tỷ trọng (%) | Lợi nhuận gộp | Tỷ trọng (%) | Lợi nhuận gộp | Tỷ trọng (%) |
| Lợi nhuận từ kinh doanh nước và thi công đường ống | 8.201         | 314,97       | 10.278        | 325,17       | 23.185        | 136,42       | 12.680        | 129,16       |
| Lợi nhuận từ Hoạt động tài chính                   | (5.711)       | (219,32)     | (7.170)       | (226,85)     | (6.256)       | (36,81)      | (2.894)       | (29,48)      |
| Lợi nhuận khác                                     | 113           | 4,35         | 53            | 1,68         | 67            | 0,39         | 31            | 0,32         |
| <b>Tổng cộng</b>                                   | <b>2.603</b>  | <b>100</b>   | <b>3.161</b>  | <b>100</b>   | <b>16.996</b> | <b>100</b>   | <b>9.817</b>  | <b>100</b>   |

(Nguồn: LAWACO)

**7.2. Nguyên vật liệu**

Công ty Cấp nước Long An là một đơn vị hoạt động có truyền thống và lâu năm trong lĩnh vực cấp thoát nước. Đây là một ngành mang tính xã hội cao, lợi nhuận không lớn, giá cả hàng hoá lại phụ thuộc nhiều vào các cơ quan Nhà nước. Công ty Cấp nước Long An là đơn vị gần như duy nhất hoạt động trong ngành cấp thoát nước tại Thị xã Tân An và một số địa phương lân cận Thành phố Tân An. Nguồn nguyên vật liệu của Doanh nghiệp chủ yếu cũng đến từ các nhà cung cấp thân thiết, có quan hệ lâu năm. Trong đó, chủ yếu là các nguồn sản phẩm như: ống nước, đồng hồ nước, ... Các nhà cung cấp sản phẩm chủ yếu bao gồm:

| STT | Tên nhà cung cấp                                     | Nguyên vật liệu |
|-----|--|-----------------|
| 1   | Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thương Mại Huỳnh Đệ | Vật tư ống      |
| 2   | Công ty TNHH Hiệp Lực                                | Vật tư gang     |
| 3   | Công ty cổ phần HAWACO                               | Đồng hồ         |
| 4   | Công ty cổ phần Nhựa Tân Tiến                        | Ống PVC, HDPE   |
| 5   | Công ty TNHH Khôi Việt                               | Đai khởi thủy   |

**7.3. Chi phí sản xuất**

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận luôn được xem là mục tiêu hàng đầu đối với LAWACO, do đó vấn đề tiết kiệm chi phí đặc biệt là chi phí phát sinh trong khâu sản xuất đang hết sức được coi trọng ở Công ty.

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu thuần qua các năm 2009, 2010, 2011 và 6T/2012:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Yếu tố chi phí      | Năm 2009      |                    | Năm 2010      |                    | Năm 2011      |                    | 6T/2012       |                    |
|---------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|
|                     | Giá trị       | %CP/<br>Tổng<br>DT | Giá trị       | %CP/<br>Tổng<br>DT | Giá trị       | %CP/<br>Tổng<br>DT | Giá<br>trị    | %CP/<br>Tổng<br>DT |
| Giá vốn hàng bán    | 21.237        | 72,14              | 28.925        | 73,78              | 34.772        | 60                 | 21.743        | 63,16              |
| Chi phí tài chính   | 5.900         | 20,04              | 7.539         | 19,23              | 6.941         | 11,98              | 3.242         | 9,42               |
| Chi phí bán hàng    | -             | -                  | -             | -                  | 1.745         | 3,01               | 1.234         | 3,59               |
| Chi phí quản lý     | 1.244         | 4,23               | 1.727         | 4,41               | 5.949         | 10,27              | 2.804         | 8,15               |
| Chi phí khác        | 8             | 0,03               | 25            | 0,06               | 2             | 0,004              | 10            | 0,03               |
| <b>Tổng chi phí</b> | <b>28.389</b> | <b>96,43</b>       | <b>38.216</b> | <b>97,48</b>       | <b>49.410</b> | <b>85,25</b>       | <b>29.034</b> | <b>84,34</b>       |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010, 2011 và 6T/2012 của Công ty)*

Với đặc trưng là doanh nghiệp sản xuất, Giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chi phí chiếm tỷ trọng lớn trên tổng chi phí của Công ty trong những năm vừa qua. Nhưng nhìn chung, cơ cấu chi phí của LAWACO là tương đối hợp lý, cùng với quá trình hoạt động, Công ty cũng đã có biện pháp tiết giảm và giữ ổn định chi phí tài chính, chi phí quản lý, chi phí bán hàng...

Bằng việc áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu đầu vào, LAWACO cũng đã tạo được sự chủ động trong việc kiểm soát giá vốn hàng bán, góp phần nâng cao lợi nhuận gộp cũng như tỷ suất lợi nhuận cho Công ty.

#### **7.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

LAWACO hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến cung Cấp nước sinh hoạt, sản xuất. Do đó sản phẩm và dịch vụ không phải là lĩnh vực có thể cung cấp sản phẩm đa dạng phong phú như một số ngành hàng khác. Qua thời gian hoạt động tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty còn nhiều hạn chế và chưa được chú trọng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty không có nhiều dòng sản phẩm để có thể tiến hành nghiên cứu, sáng tạo.
- Bộ phận chuyên trách còn yếu và thiếu nhân sự.
- Nhân viên còn thiếu kinh nghiệm và chưa chủ động tự nghiên cứu cũng như phát triển sản phẩm mới.



- Thiếu vốn cho hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

Tuy nhiên, hiện nay, Công ty cũng đã bắt đầu quan tâm hơn đến việc đa dạng hóa thị trường tiêu thụ bắt đầu bằng các hoạt động như:

- Nghiên cứu phương thức bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- Phân chia đối tượng khách hàng theo mục đích sử dụng để dễ dàng phục vụ và nghiên cứu sản phẩm tương ứng.

Trong tương lai, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm của LAWACO sẽ được đẩy mạnh thêm nữa để có thể tối ưu hóa được nguồn lực của Công ty. Đây sẽ là một thách thức rất lớn cho Công ty sau khi cổ phần hóa, đồng thời cũng là một cơ hội để Công ty có thể thay đổi mô hình hoạt động nhằm mở rộng quy mô và lĩnh vực sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động cho Công ty.

#### **7.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Với đặc thù là Công ty cung Cấp nước sạch và các sản phẩm, dịch vụ phục vụ cho việc cung Cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt tại địa phận Long An, Công ty có Bộ phận chuyên kiểm tra về chất lượng nước và chất lượng đường dẫn. Ngoài ra, Công ty còn mời Sở Y Tế thường xuyên kiểm tra chất lượng nước để đảm bảo đủ tiêu chuẩn cung cấp ra thị trường.

#### **7.6. Hoạt động Marketing, nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

- **Hoạt động Marketing**

Do đặc thù sản phẩm, mục tiêu sản xuất kinh doanh, hoạt động Marketing của Công ty không được chú trọng và đẩy mạnh. Về cơ bản, Công ty không có bộ phận chuyên triển khai Marketing. Công ty không chủ trương đẩy mạnh hoạt động này do đó Công ty chỉ giới thiệu sản phẩm và hoạt động của mình qua một số tờ báo ngành và địa phương như: Tạp chí Cấp thoát nước Việt Nam, Tạp chí Kiểm toán Việt Nam và Báo Long An.

- **Nhãn hiệu thương mại**

Hiện tại Công ty có đăng ký bản quyền của logo Công ty:



### 7.7. Hợp đồng với các đối tác lớn

Là một doanh nghiệp sản xuất chủ yếu phục vụ cho nhu cầu nước sinh hoạt và nước sản xuất, do đó các hợp đồng lớn của Doanh nghiệp chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất, cung cấp và thoát nước, các đối tác của Doanh nghiệp chủ yếu là Các Công ty cung cấp vật tư ngành nước hay sử dụng nước như nguyên liệu đầu vào, các hợp đồng lớn của Công ty bao gồm:

| STT | Đối tác                                      | Sản phẩm                    | Trị giá       | Ghi chú        |
|-----|--|-----------------------------|---------------|----------------|
| 1   | Nhựa Tân Tiến                                | Ống nhựa và sản phẩm nhựa   | 732.500.678   | Nhiều hợp đồng |
| 2   | Công ty TNHH Khôi Việt                       | Đai khởi thủy               | 976.281.020   | Nhiều hợp đồng |
| 3   | Công ty cổ phần HAWACO Miền Nam              | Đồng hồ nước                | 1.501.306.400 | Nhiều hợp đồng |
| 4   | Công ty TNHH Thương mại N.T.P                | Nguyên, vật liệu ngành nước | 809.281.000   | Nhiều hợp đồng |
| 5   | Công ty TNHH Hiệp Lực                        | Nguyên, vật liệu ngành nước | 508.243.505   | Nhiều hợp đồng |
| 6   | Công ty TNHH Bình Minh Sáng                  | Ống nước                    | 687.077.160   | Nhiều hợp đồng |
| 7   | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B | Máy Bơm chìm                | 320.807.520   |                |

### 7.8. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

| TT  | Chỉ tiêu   | ĐVT      | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | 6T/Năm 2012 |
|-----|--|----------|----------|----------|----------|-------------|
| 1   | Vốn Chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi) | Tr. Đồng | 77.204   | 77.311   | 81.981   | 83.906      |
| 2   | Nợ phải trả  | “        | 142.480  | 139.415  | 131.131  | 127.234     |
| 2.1 | Nợ ngắn hạn  | “        | 7.616    | 6.744    | 9.689    | 11.008      |
|     | <i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>                                    | “        | -        | -        | -        | -           |
| 2.2 | Nợ dài hạn   | “        | 134.864  | 132.671  | 121.441  | 116.226     |
|     | <i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>                                    | “        | -        | -        | -        | -           |
| 3   | Nợ phải thu  | “        | 4.365    | 5.067    | 2.819    | 3.577       |

| TT | Chỉ tiêu                                    | ĐVT      | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | 6T/Năm 2012 |
|----|---|----------|----------|----------|----------|-------------|
| 4  | Tổng số lao động cuối năm                   | Người    | 100      | 103      | 116      | 122         |
| 5  | Tổng quỹ lương                              | Tr. Đồng | 4.948    | 6.360    | 8.425    | -           |
| 6  | Thu nhập bình quân của người lao động/tháng | Tr. Đồng | 4,2      | 5,1      | 6        | -           |
| 7  | Doanh thu thuần                             | Tr. Đồng | 29.439   | 39.202   | 57.957   | 34.423      |
| 8  | Giá vốn hàng bán                            | “        | 21.237   | 28.925   | 34.772   | 21.742      |
| 9  | Tổng tài sản                                | “        | 219.684  | 216.727  | 213.111  | 211.140     |
| 10 | Lợi nhuận trước thuế                        | “        | 1.360    | 1.434    | 9.301    | 5.779       |
| 11 | Lợi nhuận sau thuế                          | “        | 1.020    | 1.075    | 6.975    | 4.335       |

(Nguồn: LAWACO)

### 7.9. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong quá trình hoạt động, LAWACO chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan trong đó có nhiều yếu tố tác động thuận lợi đến quá trình hoạt động nhưng cũng có không ít yếu tố gây khó khăn cho việc kinh doanh của Công ty.

#### ❖ Thuận lợi

- Là doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động trong lĩnh vực mang tính công ích, LAWACO được sự quan tâm, chỉ đạo của Nhà nước và các ngành hữu quan nhằm hỗ trợ cho quá trình kinh doanh, từ đó, giúp Công ty có được những điều kiện thuận lợi để phát triển và mở rộng sản xuất. Các cơ quan, ban ngành có nhiều chính sách hỗ trợ cho Công ty trong quá trình hoạt động tại địa phương.
- Long An là tỉnh cửa ngõ của TP. HCM nên là một địa phương quan trọng và có tiềm lực phát triển sâu rộng về kinh tế, chính trị, xã hội. Việc đáp ứng nhu cầu của tiềm năng phát triển đó đòi hỏi sự phát triển cân bằng tổng thể các lĩnh vực của tỉnh. Qua đó các doanh nghiệp tại Long An nói chung và LAWACO nói riêng có một cơ hội để phát triển từ sự đầu tư của tỉnh nhà và các nhà đầu tư từ nơi khác đến.
- Nằm ở địa bàn có sông ngòi chằng chịt, là một lợi thế cho LAWACO trong việc cung cấp nguồn nước sinh hoạt, sản xuất trong vùng. LAWACO cung Cấp nước sinh hoạt và sản xuất chủ yếu của Tỉnh Long An. Địa phương cũng là một nơi đang có sự phát triển về công nghiệp hóa, nhu cầu nước sạch của người dân và doanh nghiệp sản xuất là rất lớn. Đây là tiền đề cho sự phát triển của Công ty.

- Sản phẩm của LAWACO là sản phẩm không thể thay thế và hiện không có nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành trên địa bàn.
- LAWACO có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và là đơn vị đã hoạt động lâu tại địa phương Tỉnh Long An, LAWACO có nguồn cung đầu vào và nguồn cầu ổn định.
- Công ty có định hướng rõ ràng trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh. Định hướng phát triển của Công ty gắn liền với sự phát triển các khu dân cư, khu công nghiệp tại Long An. Về lâu dài, Công ty sẽ chuyển mình để hoạt động bài bản, chuyên nghiệp và phát huy thêm những thế mạnh của Công ty bằng cách chuyển dịch một số ngành nghề hoạt động.

❖ **Khó khăn**

- Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, vấn đề lạm phát, sự bất ổn của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam trong những năm qua đều ảnh hưởng đến các Doanh nghiệp nói chung và LAWACO nói riêng.
- Lĩnh vực hoạt động của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn khi xuất hiện một số Công ty hoạt động cùng ngành. Lĩnh vực cung Cấp nước không còn là độc quyền đối với Công ty. Công ty sẽ phải làm quen với việc đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các đối thủ. Đặc biệt là cạnh tranh trong việc cung Cấp nước sản xuất cho các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp.
- Giá cả nguyên vật liệu không ổn định mà biến động theo thị trường cũng gây nhiều khó khăn cho hoạt động của Công ty... ví dụ như giá xăng dầu tăng dẫn đến giá nguyên vật liệu tăng; tình hình lạm phát cũng gây ra những ảnh hưởng đến sự tăng giá nguyên vật liệu...đẩy chi phí đầu vào tăng cao. Công ty không tốn nhiều chi phí bán hàng, nhưng việc tăng giá nguyên vật liệu ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, trong khi giá thành sản phẩm của Công ty bị hạn chế nên ảnh hưởng đến lợi nhuận.
- Vấn đề của các Công ty cấp thoát nước là đối mặt với rủi ro về thất thoát, LAWACO cũng không phải là ngoại lệ.
- Giá bán nước phụ thuộc vào quyết định của Nhà nước, do đó doanh nghiệp bị động trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Do đô thị hóa ở Long An vẫn trong giai đoạn phát triển nên lượng nước tiêu thụ vẫn còn ít. Đường ống dẫn nước chưa thể đưa đến được tất cả người dân và doanh nghiệp và nếu có đầu tư cũng chiếm kinh phí cao. Bên cạnh đó, người dân tại các địa phương mà Công ty đang cung cấp vẫn có xu hướng tiết kiệm bằng cách sử dụng nước giếng đào.

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Ngành cấp thoát nước tại Việt Nam có sự phân chia về địa bàn hoạt động rõ rệt, do đó doanh nghiệp thuộc địa phương nào sẽ là nhà cung cấp chính cho địa phương đó. Việc này cũng liên quan đến nguồn nước, giá thành vận chuyển, đặc thù dân cư sinh sống. LAWACO là đơn vị chủ yếu hoạt động ở địa bàn Tỉnh Long An và là đơn vị chiếm thị phần chủ yếu tại đây.

Cùng với sự phát triển chung về kinh tế, xã hội Tỉnh Long An, đối với những lợi thế kinh doanh sẵn có, LAWACO tiếp tục vững vàng là một trong những đơn vị dẫn đầu ngành cấp thoát nước tại Long An và có thể vươn ra một số địa phương lân cận.

### 8.2. Triển vọng của ngành

Ngành Cấp thoát nước không phải là một ngành có thể tạo được đột biến trong sản xuất kinh doanh, cũng không có lợi thế để có thể cung cấp rộng về mặt địa lý hoặc vươn ra bên ngoài. Tuy nhiên, đây là ngành có tính nhu yếu phẩm cao và tính ổn định lâu dài.

### 8.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Cùng với việc định hướng phát triển của Công ty là đẩy mạnh cung Cấp nước cho ngành sản xuất, Công ty triển khai đầu tư vào một số liên doanh để cung Cấp nước cho một số khu vực đang phát triển các doanh nghiệp sản xuất. Ngoài ra, yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền tại Long An cũng hướng tới việc đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp thu hút đầu tư, tăng cường sự phát triển cho tỉnh...

## II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2012) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

*Đơn vị tính: đồng*

| Tài sản                           | Nguyên giá             | Giá trị còn lại        |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b>   | <b>252.826.272.376</b> | <b>175.161.590.418</b> |
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc          | 183.298.919.058        | 44.295.337.069         |
| ▪ Máy móc thiết bị                | 14.274.038.718         | 6.207.870.209          |
| ▪ Dụng cụ quản lý                 | 2.529.866.579          | 1.329.266.270          |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 52.723.448.021         | 25.832.208.410         |

| Tài sản                                | Nguyên giá             | Giá trị còn lại        |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Tài sản cố định vô hình</i>         | -                      | -                      |
| <i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i> | <i>3.277.425.908</i>   | <i>3.277.425.908</i>   |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>256.103.698.284</b> | <b>178.439.016.326</b> |

(Nguồn: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty)

## 2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

Tình hình đất đai Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An hiện đang quản lý, sử dụng bao gồm 42 mảnh đất, chiếm diện tích 52.702,27 m<sup>2</sup>. Đất do Công ty quản lý nằm trên địa bàn TP. Tân An, Huyện Bến Lức và Huyện Thủ Thừa thuộc Tỉnh Long An. Chi tiết như sau:

| STT | Sử dụng  | Diện tích       | Loại đất                | Địa điểm                | Hình thức                  | Thời gian sử dụng đất | Phương án sử dụng |
|-----|--|-----------------|-------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------|
| 1   | Văn phòng Công ty và Xí nghiệp Cấp nước Tân An | 7.890           | Đất cơ sở SX,KD         | P4, Tp. Tân An, Long An | thuê đất trả tiền hàng năm | 50 năm                |                   |
| 2   | Các giếng của Xí nghiệp Cấp nước Tân An        | 150             | Đất cơ sở SX,KD         | P4, Tp. Tân An, Long An |                            |                       |                   |
| 3   |  | 100             | Đất cơ sở SX,KD         | P4, Tp. Tân An, Long An |                            |                       |                   |
| 4   |  | 117             | Đất cơ sở SX,KD         | P4, Tp. Tân An, Long An |                            |                       |                   |
| 5   |  | 115             | Đất cơ sở SX,KD         | P4, Tp. Tân An, Long An |                            |                       |                   |
| 6   |  | 315             | Đất cơ sở SX,KD         | P4, Tp. Tân An, Long An |                            |                       |                   |
| 7   |  | 68              | Đất cơ sở SX,KD         | P3, Tp. Tân An, Long An |                            |                       |                   |
| 8   |  | 108             | Đất cơ sở SX,KD         | P4, Tp. Tân An, Long An |                            |                       |                   |
| 9   |  | 102             | Đất cơ sở SX,KD         | P4, Tp. Tân An, Long An |                            |                       |                   |
| 10  | Các giếng của Xí nghiệp Cấp nước Tân An        | 324             | Đất cơ sở SX,KD         | P2, Tp. Tân An, Long An | thuê đất trả tiền hàng năm | 50 năm                |                   |
| 11  | 186  | Đất cơ sở SX,KD | P3, Tp. Tân An, Long An |                         |                            |                       |                   |
| 12  | 453  | Đất cơ sở SX,KD | P3, Tp. Tân An, Long An |                         |                            |                       |                   |

| STT | Sử dụng                   | Diện tích | Loại đất                        | Địa điểm                 | Hình thức                  | Thời gian sử dụng đất | Phương án sử dụng |
|-----|---------------------------|-----------|---------------------------------|--------------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------|
| 13  |                           | 422       | Đất cơ sở SX,KD                 | Xã Lợi Bình Nhơn,Tp.TA   |                            |                       |                   |
| 14  |                           | 153       | Đất thủy lợi                    | P4, Tp. Tân An, Long An  |                            |                       |                   |
| 15  |                           | 239       | Đất thủy lợi                    | P4, Tp. Tân An, Long An  |                            |                       |                   |
| 16  |                           | 292       | Đất thủy lợi                    | P.Tân Khánh, Tp. Tân An  |                            |                       |                   |
| 17  |                           | 421       | Đất cơ sở SX,KD                 | P4, Tp. Tân An, Long An  |                            |                       |                   |
| 18  | Giếng số 8                | 239       | Xây dựng giếng nước             | P4, Tp. Tân An, Long An  |                            |                       |                   |
| 19  | Giếng số 9                | 153       | Xây dựng giếng nước             | P4, Tp. Tân An, Long An  |                            |                       |                   |
| 20  | Giếng số 10               | 292       | Xây dựng giếng nước             | P4, Tp. Tân An, Long An  |                            |                       |                   |
| 21  | Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen | 11.854    | Đất cơ sở SX,KD                 | TT Bến Lức, H.Bến Lức,LA |                            |                       |                   |
| 22  | Giếng số 2                | 291       | Khoan giếng khai thác nước ngầm | TT Bến Lức, H.Bến Lức,LA |                            |                       |                   |
| 23  | Giếng số 3                | 220       | Khoan giếng khai thác nước ngầm | TT Bến Lức, H.Bến Lức,LA |                            |                       |                   |
| 24  | Giếng số 4                | 220       | Khoan giếng khai thác nước ngầm | TT Bến Lức, H.Bến Lức,LA | thuê đất trả tiền hàng năm | 50 năm                |                   |
| 25  | Giếng số 5                | 206       | Khoan giếng khai thác nước ngầm | TT Bến Lức, H.Bến Lức,LA |                            |                       |                   |
| 26  | Giếng số 6                | 368       | Khoan giếng khai thác nước ngầm | TT Bến Lức, H.Bến Lức,LA |                            |                       |                   |
| 27  | Giếng số 7                | 345       | Khoan giếng khai thác nước ngầm | TT Bến Lức, H.Bến Lức,LA |                            |                       |                   |

| STT | Sử dụng       | Diện tích | Loại đất                        | Địa điểm                                   | Hình thức                  | Thời gian sử dụng đất | Phương án sử dụng |
|-----|---------------|-----------|---------------------------------|--|----------------------------|-----------------------|-------------------|
| 28  | Giếng số 8    | 361       | Khoan giếng khai thác nước ngầm | TT Bến Lức, H.Bến Lức, LA                  |                            |                       |                   |
| 29  | Giếng số 9    | 379       | Khoan giếng khai thác nước ngầm | TT Bến Lức, H.Bến Lức, LA                  |                            |                       |                   |
| 30  | Giếng số 10   | 380       | Khoan giếng khai thác nước ngầm | TT Bến Lức, H.Bến Lức, LA                  |                            |                       |                   |
| 31  | XNCN Bình Ảnh | 22.256    | Xây dựng nhà máy xử lý nước     | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |                            |                       |                   |
| 32  | Giếng số 1    | 378       | Xây dựng trạm bơm               | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |                            |                       |                   |
| 33  | Giếng số 3    | 362       | Xây dựng trạm bơm               | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |                            |                       |                   |
| 34  | Giếng số 4    | 393       | Xây dựng trạm bơm               | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An | thuê đất trả tiền hàng năm | 50 năm                |                   |
| 35  | Giếng số 5    | 357       | Xây dựng trạm bơm               | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |                            |                       |                   |
| 36  | Giếng số 6    | 386       | Xây dựng trạm bơm               | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |                            |                       |                   |
| 37  | Giếng số 7    | 377       | Xây dựng trạm bơm               | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |                            |                       |                   |
| 38  | Giếng số 8    | 373       | Xây dựng trạm bơm               | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |                            |                       |                   |



| STT | Sử dụng     | Diện tích | Loại đất          | Địa điểm                                   | Hình thức | Thời gian sử dụng đất | Phương án sử dụng |
|-----|-------------|-----------|-------------------|--|-----------|-----------------------|-------------------|
| 39  | Giếng số 9  | 336       | Xây dựng trạm bơm | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |           |                       |                   |
| 40  | Giếng số 10 | 281       | Xây dựng trạm bơm | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |           |                       |                   |
| 41  | Giếng số 11 | 288       | Xây dựng trạm bơm | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |           |                       |                   |
| 42  | Giếng số 12 | 153       | Xây dựng trạm bơm | xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An |           |                       |                   |

### 3. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

|                                 |                          |
|---------------------------------|--------------------------|
|                                 | <i>Đơn vị tính: đồng</i> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>           | <b>74.469.234.075</b>    |
| <i>Trong đó</i>                 | <i>:</i>                 |
| ▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu     | 74.469.234.075           |
| ▪ Vốn khác của chủ sở hữu       | -                        |
| <b>Các quỹ của doanh nghiệp</b> | <b>5.102.561.854</b>     |
| ▪ Quỹ đầu tư phát triển         | 3.570.492.741            |
| ▪ Quỹ dự phòng tài chính        | 1.532.069.113            |
| <b>Các khoản phải thu</b>       | <b>3.576.842.410</b>     |
| ▪ Phải thu ngắn hạn             | 3.636.842.410            |
| ▪ Phải thu dài hạn              | (60.000.000)             |
| <b>Nợ phải trả</b>              | <b>127.234.147.341</b>   |
| ▪ Nợ ngắn hạn                   | 11.007.691.759           |
| ▪ Nợ dài hạn                    | 116.226.455.582          |

### 4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm ngày 31/01/2013, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 123 người, trong đó cơ cấu như sau:

| Tiêu chí                               | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|--|------------------|--------------|
| <b>Theo trình độ lao động</b>          | <b>123</b>       | <b>100</b>   |
| ▪ Trình độ đại học và sau đại học      | 29               | 23,57        |
| ▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp | 10               | 8,13         |
| ▪ Trình độ khác                        | 84               | 68,29        |
| <b>Theo loại hợp đồng lao động</b>     | <b>123</b>       | <b>100</b>   |
| ▪ Hợp đồng không thời hạn              | 120              | 97,56        |
| ▪ Hợp đồng thời hạn từ 03 - 36 tháng   | 2                | 1,63         |
| ▪ Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ        | 1                | 0,81         |
| <b>Theo giới tính</b>                  | <b>123</b>       | <b>100</b>   |
| ▪ Nam                                  | 102              | 82,93        |
| ▪ Nữ                                   | 21               | 17,07        |

Số lao động tại thời điểm cuối năm (người) của các năm giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

| Khoản mục   | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|-------------|----------|----------|----------|----------|
| Số lao động | 100      | 103      | 116      | 123      |

### III. KẾT LUẬN

Là một Doanh nghiệp Nhà nước do Tỉnh quản lý, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An đã phát huy được các tiềm năng, thế mạnh sẵn có và ngày càng khẳng định vị thế dẫn đầu của mình trong hệ thống các doanh nghiệp trong toàn tỉnh. Bên cạnh đó, nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan hữu quan, Công ty đã xây dựng cho mình một uy tín trong mắt khách hàng cũng như người tiêu dùng địa phương.

Căn cứ vào tình hình tổng quan cũng như thực trạng của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, có thể khẳng định LAWACO hoàn toàn có đủ điều kiện để thực hiện cổ phần hóa. Với định hướng phát triển có mục tiêu rõ ràng, LAWACO có tiềm năng để phát triển dài hạn, ổn định.

## PHẦN III PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

#### 1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 20/2007/TT-BLĐTBXH ngày 04/10/2007 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND Tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để thực hiện cổ phần hóa.

#### 2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của LAWACO gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai với phương châm: “Duy trì sản xuất kinh doanh + Phát triển bền vững + Tăng thu nhập”
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

### 3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Là một trong những đơn vị có tình hình hoạt động kinh doanh tốt trên địa bàn Tỉnh, LAWACO đã nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND Tỉnh Long An và các cơ quan ban ngành của địa phương. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần.
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên cũng được thực hiện chu đáo.
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

### 4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND Tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để thực hiện cổ phần hóa, chi tiết giá trị doanh nghiệp vào thời điểm 30/06/2012 thể hiện ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

| TT         | CHỈ TIÊU                                       | SỐ LIỆU<br>SỐ SÁCH<br>KẾ TOÁN | SỐ LIỆU<br>XÁC ĐỊNH LẠI | CHÊNH<br>LỆCH         |
|------------|--|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>A</b>   | <b>TÀI SẢN ĐANG DÙNG</b>                       | <b>207.232.346.379</b>        | <b>262.284.354.732</b>  | <b>55.052.008.353</b> |
| <b>I</b>   | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                         | <b>178.561.915.492</b>        | <b>233.524.011.524</b>  | <b>54.962.096.032</b> |
| 1          | Tài sản cố định                                | 178.321.915.492               | 233.524.011.524         | 54.962.096.032        |
| <i>a</i>   | <i>Tài sản cố định hữu hình</i>                | <i>173.566.654.584</i>        | <i>228.528.750.616</i>  | <i>54.962.096.032</i> |
|            | Nhà cửa - vật kiến trúc                        | 117.815.289.725               | 150.492.113.817         | 32.676.824.092        |
|            | Phương tiện vận tải , truyền dẫn               | 26.891.239.611                | 44.063.880.473          | 17.172.640.862        |
|            | Máy móc thiết bị                               | 27.659.524.939                | 32.450.087.788          | 4.790.562.849         |
|            | Thiết bị quản lý                               | 1.200.600.309                 | 1.522.668.538           | 322.068.229           |
| <i>b</i>   | <i>Tài sản vô hình</i>                         | <i>1.477.856.000</i>          | <i>1.477.856.000</i>    | -                     |
| <i>c</i>   | <i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>         | <i>3.277.425.908</i>          | <i>3.277.425.908</i>    | -                     |
| 2          | Các khoản phải thu dài hạn                     | (60.000.000)                  | (60.000.000)            | -                     |
|            | <i>Phải thu dài hạn khác</i>                   | <i>(60.000.000)</i>           | <i>(60.000.000)</i>     | -                     |
| 3          | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn             | 300.000.000                   | 300.000.000             | -                     |
|            | <i>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</i> | <i>300.000.000</i>            | <i>300.000.000</i>      | -                     |
| <b>II</b>  | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                        | <b>28.670.430.887</b>         | <b>28.760.343.208</b>   | <b>89.912.321</b>     |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền             | 7.222.444.045                 | 7.222.444.045           | -                     |
|            | <i>Tiền mặt tại quỹ</i>                        | <i>7.222.444.045</i>          | <i>7.222.444.045</i>    | -                     |
|            | <i>Các khoản tương đương tiền</i>              | -                             | -                       | -                     |
| 2          | Đầu tư tài chính ngắn hạn                      | 8.000.000.000                 | 8.000.000.000           | -                     |
|            | <i>Đầu tư ngắn hạn</i>                         | <i>8.000.000.000</i>          | <i>8.000.000.000</i>    | -                     |
| 3          | Các khoản phải thu                             |                               |                         |                       |
|            | <i>Phải thu khách hàng</i>                     | <i>1.168.605.001</i>          | <i>1.168.605.001</i>    | -                     |
|            | <i>Trả trước cho người bán</i>                 | <i>1.220.716.350</i>          | <i>1.220.716.350</i>    | -                     |
|            | <i>Các khoản phải thu khác</i>                 | <i>1.247.521.059</i>          | <i>1.247.521.059</i>    | -                     |
| 4          | Vật tư hàng hóa tồn kho                        | 8.425.580.701                 | 8.425.580.701           | -                     |
|            | <i>Hàng hóa tồn kho</i>                        | <i>8.425.580.701</i>          | <i>8.425.580.701</i>    | -                     |
|            | <i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>          | -                             | -                       | -                     |
|            | <i>Công cụ dụng cụ đã phân bổ</i>              | -                             | 89.912.321              | 89.912.321            |
| <b>III</b> | <b>GIÁ TRỊ LỢI THẾ KINH DOANH</b>              |                               |                         |                       |

| TT  | CHỈ TIÊU  | SỐ LIỆU<br>SỐ SÁCH<br>KẾ TOÁN | SỐ LIỆU<br>XÁC ĐỊNH LẠI | CHÊNH<br>LỆCH         |
|---|---|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| IV  | GIÁ TRỊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT                       |                               |                         |                       |
| <b>B</b>  | <b>TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG</b>                   | <b>3.907.827.910</b>          | <b>3.907.827.910</b>    | <b>-</b>              |
| <b>I</b>  | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                          | <b>117.100.834</b>            | <b>117.100.834</b>      | <b>-</b>              |
|   | TSCĐ hữu hình                                   | 117.100.834                   | 117.100.834             | -                     |
| <b>II</b>   | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>3.790.727.076</b>          | <b>3.790.727.076</b>    | <b>-</b>              |
|   |   | 3.790.727.076                 | 3.790.727.076           | -                     |
| <b>C</b>  | <b>TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>                     |                               |                         |                       |
| <b>D</b>  | <b>TÀI SẢN TỪ QUỸ KHEN<br/>THƯỞNG, PHÚC LỢI</b> |                               |                         |                       |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA<br/>DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)</b>                        |   | <b>211.140.174.289</b>        | <b>266.192.182.642</b>  | <b>55.052.008.353</b> |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH<br/>NGHIỆP (A)</b>  |   | <b>207.232.346.379</b>        | <b>262.284.354.732</b>  | <b>55.052.008.353</b> |
| <b>E1</b>   | <b>Nợ thực tế phải trả</b>                      | <b>127.234.147.341</b>        | <b>127.234.147.341</b>  | <b>-</b>              |
| <b>E2</b>   | <b>Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>          |                               |                         |                       |
| <b>E3</b>   | <b>Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>                 |                               |                         |                       |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN<br/>VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH<br/>NGHIỆP [A – (E1+E2+E3)]</b> |   | <b>79.998.199.038</b>         | <b>135.050.207.391</b>  | <b>55.052.008.353</b> |

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An tại thời điểm 30/06/2012)

### **Diễn giải kết quả xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 30/06/2012:**

#### **Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp**

- Giá trị sổ sách : 207.232.346.379 đồng
- Giá trị đánh giá lại : 262.284.354.732 đồng
- Chênh lệch : 55.052.008.353 đồng

#### **Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp**

- Giá trị sổ sách : 79.998.199.038 đồng
- Giá trị đánh giá lại : 135.050.207.391 đồng
- Chênh lệch : 55.052.008.353 đồng

## II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### 1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Công ty chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần là “*Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp*” (Vốn điều lệ là 135 tỷ đồng của Công ty cổ phần được làm tròn từ giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được xác định lại vào thời điểm 31/12/2012 là 135.050.207.391 đồng)

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**
- Tên tiếng Anh : **LONG AN WATER SUPPLY SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch : **LAWACO**
- Địa chỉ : 250 Hùng Vương, P.4, TP. Tân An, Tỉnh Long An
- Điện thoại : (84)72 825 114 Fax : (84)72 826 040
- Website : [www.lawaco.com.vn](http://www.lawaco.com.vn) Email: [info@lawaco.vnn.vn](mailto:info@lawaco.vnn.vn)

### 2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

- Khai thác và cung Cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh);
- Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống Cấp thoát nước; Thi công hệ thống Cấp thoát nước;
- Dịch vụ khoan giếng;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp, thoát nước;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị Cấp thoát nước.

### 3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

#### 3.1. Vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An dự kiến vốn điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng như sau:

- Vốn điều lệ Công ty : 135.000.000.000 đồng
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng

- Số lượng cổ phần : 13.500.000 cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### 3.2. Cơ sở xây dựng vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần được xây dựng dựa trên các cơ sở sau:

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước sau khi đánh giá lại (tại thời điểm 30/06/2012)
- Nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

### 3.3. Cơ cấu vốn điều lệ

Dự kiến cơ cấu sở hữu trong tổng vốn điều lệ như sau:

| STT | Cổ đông   | Số cổ phần<br>(cổ phần) | Giá trị cổ phần<br>(đồng) | Tỷ lệ      |
|-----|---|-------------------------|---------------------------|------------|
| 1   | Nhà nước  | 10.125.000              | 101.250.000.000           | 75,00%     |
| 2   | Cổ đông CBCNV mua ưu đãi  | 175.100                 | 1.751.000.000             | 1,30%      |
| 2.1 | - Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước với mức giá bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất | 156.500                 | 1.565.000.000             | 1,16%      |
| 2.2 | - Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần với mức giá bằng giá đấu giá thành công thấp nhất     | 18.600                  | 186.000.000               | 0,14%      |
| 3   | Công đoàn Công ty   | -                       | -                         | -          |
| 4   | Cổ đông chiến lược  | -                       | -                         | -          |
| 5   | Cổ đông mua cổ phần thông qua đấu giá   | 3.199.900               | 31.999.000.000            | 23,70%     |
|     | <b>Tổng cộng</b>  | <b>13.500.000</b>       | <b>135.000.000.000</b>    | <b>100</b> |

## 4. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

### 4.1 Đối tượng mua cổ phần

- Đối tượng mua cổ phần bao gồm CB CNV của Công ty các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).



## 4.2 Cổ phần Nhà nước nắm giữ

Theo Quyết định số 929/QĐTTg ngày 17/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ, LAWACO là doanh nghiệp thuộc nhóm 2, tại Mục b, phần II thuộc diện Nhà nước nắm giữ từ 65% đến 75% vốn Điều lệ. Xét trên tình hình thực tế, do Công ty đang ở trong giai đoạn cần ổn định nguồn lực, bên cạnh đó để đảm bảo cho phương án Cổ phần hóa thành công đối với một ngành kinh doanh chưa tạo được nhiều sức hút đối với các nhà đầu tư, kính trình Ban chỉ đạo xem xét Nhà nước sẽ nắm giữ 75%.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý tăng vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Thông tư 196/2011/TT-BTC và Thông tư 202/2011/TT-BTC sẽ được trình Cơ quan có thẩm quyền quyết định bán tiếp vào thời điểm thích hợp sau khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

## 4.3 Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

- **Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước với mức giá bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 31/01/2013 là: 123 người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 118 người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 1.531 năm.

*(Danh sách CBCNV mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục đính kèm).*

Theo danh sách này, tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức trên là 153.100 cổ **phần** với tổng mệnh giá là **1.531.000.000 đồng** chiếm **1,13%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.

Ngoài ra, Công ty đề xuất bán thêm 3.400 cổ phần cho ông Bùi Phước Hậu là nhân viên của Công ty, nghỉ hưu vào ngày 01/01/2013, có thâm niên công tác trong khu vực nhà nước tính đến thời điểm nghỉ hưu là 34 năm 7 tháng.

Như vậy, tổng số cổ phần dự định bán cho CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước với mức giá bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất là 156.500 cổ **phần** với tổng mệnh giá là **1.565.000.000 đồng** chiếm **1,16%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.
- ***Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần với mức giá bằng giá đấu giá thành công thấp nhất***

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

LAWACO có 13 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **18.600 cổ phần**, tương ứng tổng mệnh giá là **186.000.000 đồng** chiếm **0,14%** vốn điều lệ công ty cổ phần. Trong đó, số cổ phần mà người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký mua là **0** cổ phần. Do không có cổ đông chiến lược nên công ty đề xuất giá bán cho CBCNV đăng ký theo hình thức này là giá đấu giá thành công thấp nhất.

*Danh sách mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên và đăng ký mua thêm theo cam kết thời gian làm việc theo Phụ lục đính kèm.*

#### ***4.4 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài***

- Việc tổ chức bán đấu giá sẽ được thực hiện thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Giá khởi điểm dự kiến là **10.000 đồng/cổ phần**.
- Thời gian bán đấu giá: Sau khi có Quyết định của UBND Tỉnh Long An phê duyệt Đề án cổ phần hoá Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật. (Theo điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ).
- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: căn cứ Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/06/2009, các nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

## 5. Loại cổ phần và phương thức phát hành

### 5.1. Loại cổ phần:

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### 5.2. Phương thức phát hành:

- Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được Ban chỉ đạo phê duyệt.
- Số cổ phần còn lại trong tổng số cổ phần được Nhà nước bán ra sẽ được bán cho các nhà đầu tư mua thông qua hình thức bán đấu giá ra công chúng.

## 6. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Số tiền thu được từ việc bán bớt phần vốn Nhà nước, sau khi trừ đi các khoản chi phí thực hiện cổ phần hóa, sẽ được chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

## 7. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ theo quy định tại Điều 12, Khoản 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ban hành ngày 26/12/2011, tổng mức chi phí tối đa của doanh nghiệp cổ phần hóa được xác định theo giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán, không quá 500 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị trên 100 tỷ đồng. Theo đó, giá trị thực tế của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 207.232.346.379 đồng, nên dự kiến tổng chi phí cổ phần hóa của Công ty sẽ là **500.000.000** đồng, trong đó bao gồm các khoản mục chính sau:

| STT | HẠNG MỤC CHI PHÍ                             | CHI PHÍ<br>(Đồng) |
|-----|--|-------------------|
| A.  | Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp | 58.000.000        |

| STT       | HẠNG MỤC CHI PHÍ   | CHI PHÍ<br>(Đồng)  |
|-----------|--|--------------------|
| 1         | Chi phí công bố thông tin về doanh nghiệp, đăng báo  | 20.000.000         |
| 2         | Lệ phí thanh toán cho Sở GD&ĐT TP. HCM để tổ chức bán đấu giá cổ phần  | 35.000.000         |
| 3         | Chi phí Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập  | 3.000.000          |
| <b>B</b>  | <b>Thuê các Đơn vị có chức năng thực hiện các công việc liên quan</b>  | <b>275.500.000</b> |
| 1         | Thuê Đơn vị tư vấn thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp   | 192.500.000        |
| 2         | Thuê Đơn vị tư vấn cổ phần hóa trọn gói các công việc khác (bao gồm: Tư vấn xây dựng Phương án cổ phần hóa, Tư vấn lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần, Tư vấn tổ chức đại hội cổ đông thành lập, Tư vấn các thủ tục hoàn tất cổ phần hóa) | 83.000.000         |
| <b>C.</b> | <b>Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hoá và Tổ giúp việc</b>  | <b>166.500.000</b> |
| 1         | Thù lao Ban chỉ đạo<br>(Dự kiến 15 người x 1.000.000 đồng/ tháng x 9 tháng)  | 135.000.000        |
| 2         | Thù lao Tổ giúp việc<br>(Dự kiến 7 người x 500.000 đồng/tháng x 9 tháng)   | 31.500.000         |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>500.000.000</b> |

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

## 8. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước như sau (giả sử giá bán cổ phần bằng giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần):

| Kế hoạch hoàn vốn Nhà nước                                |             | Số tiền (đồng)  |
|---|-------------|-----------------|
| 1. Vốn điều lệ Công ty cổ phần                            | (a)         | 135.000.000.000 |
| 2. Vốn Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại     | (b)         | 135.050.207.391 |
| 3. Tiền thu được từ cổ phần hoá                           | (c)         | 33.137.600.000  |
| - Thu từ bán cổ phần cho CBCNV                            |             | 918.600.000     |
| - Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược            |             | -               |
| - Thu từ bán cổ phần cho các đối tượng khác (đấu giá)     |             | 32.033.000.000  |
| 4. Trị giá cổ phần (CP) đã bán tính theo mệnh giá         | (d)         | 33.750.000.000  |
| 5. Giá trị mệnh giá CP phát hành thêm để lại doanh nghiệp | (e)=(a)-(b) | (50.207.391)    |

| Kế hoạch hoàn vốn Nhà nước  |                                     | Số tiền (đồng)        |
|---|-------------------------------------|-----------------------|
| 6. Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện                                       | (f)                                 | 500.000.000           |
| 7. Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư                      | (g)                                 | -                     |
| 8. Phần thặng dư để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ | (h) = [(c)-(d)-(f)-(g)] x [(e)/(a)] | -                     |
| <b>Tổng số tiền hoàn vốn Nhà nước</b>   | <b>(c)-(e)-(f)-(g)-(h)</b>          | <b>32.687.807.391</b> |

### 9. Phương án sắp xếp lại lao động

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

| STT       | Nội dung   | Tổng số    | Ghi chú |
|-----------|--|------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH</b>   | <b>123</b> |         |
|           | - Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Công ty, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát, GD, KTT) | 1          |         |
|           | - Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn  | 120        |         |
|           | - Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng  | 2          |         |
|           | - Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng   | -          |         |
| <b>II</b> | <b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp</b>   | <b>-</b>   |         |
| 1         | Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành   | -          |         |
|           | - Theo ND số 152/2006/ND-CP  |            |         |
|           | - Theo ND số 91/2010/ND-CP   |            |         |
| 2         | Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:   | -          |         |
|           | - Hết hạn HĐLĐ   |            |         |
|           | - Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ  |            |         |
|           | - Lý do theo quy định của pháp luật  |            |         |
| 3         | Lao động chờ nghỉ việc theo quyết định của Giám đốc  | -          |         |

| STT        | Nội dung  | Tổng số    | Ghi chú |
|------------|---|------------|---------|
| 4          | Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra: | -          |         |
|            | - Số lao động thực hiện theo ND số 91/2010/ND-CP  | 0          |         |
|            | - Số lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động   | 0          |         |
| <b>III</b> | <b>Số lao động còn hạn HĐLĐ sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty CP</b>                          | <b>123</b> |         |
| 1          | Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn  | 123        |         |
| 2          | Số lao động nghỉ theo 3 chế độ BHXH, chia ra:   | <b>1</b>   |         |
|            | - Ốm đau  |            |         |
|            | - Thai sản  | 1          |         |
|            | - Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp  |            |         |
| 3          | Số lao động đang tạm hoãn HĐLĐ, chia ra:  |            |         |
|            | - Nghĩa vụ quân sự  |            |         |
|            | - Nghĩa vụ công dân khác  |            |         |
|            | - Bị tạm giam, tạm giữ  |            |         |
|            | - Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)  |            |         |

(Xem Phương án lao động đính kèm)

#### Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần như sau:

| Tiêu chí                               | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|--|------------------|--------------|
| ▪ Thạc sĩ                              | 1                | 0,82         |
| ▪ Trình độ đại học                     | 28               | 22,76        |
| ▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp | 10               | 8,13         |
| ▪ Khác                                 | 84               | 68,29        |
| <b>Tổng cộng</b>                       | <b>123</b>       | <b>100</b>   |

Danh sách lao động tiếp tục làm việc tại Công ty cổ phần cũng là danh sách lao động đã được sắp xếp lại và giải quyết chế độ cho các lao động dôi dư.

#### 10. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

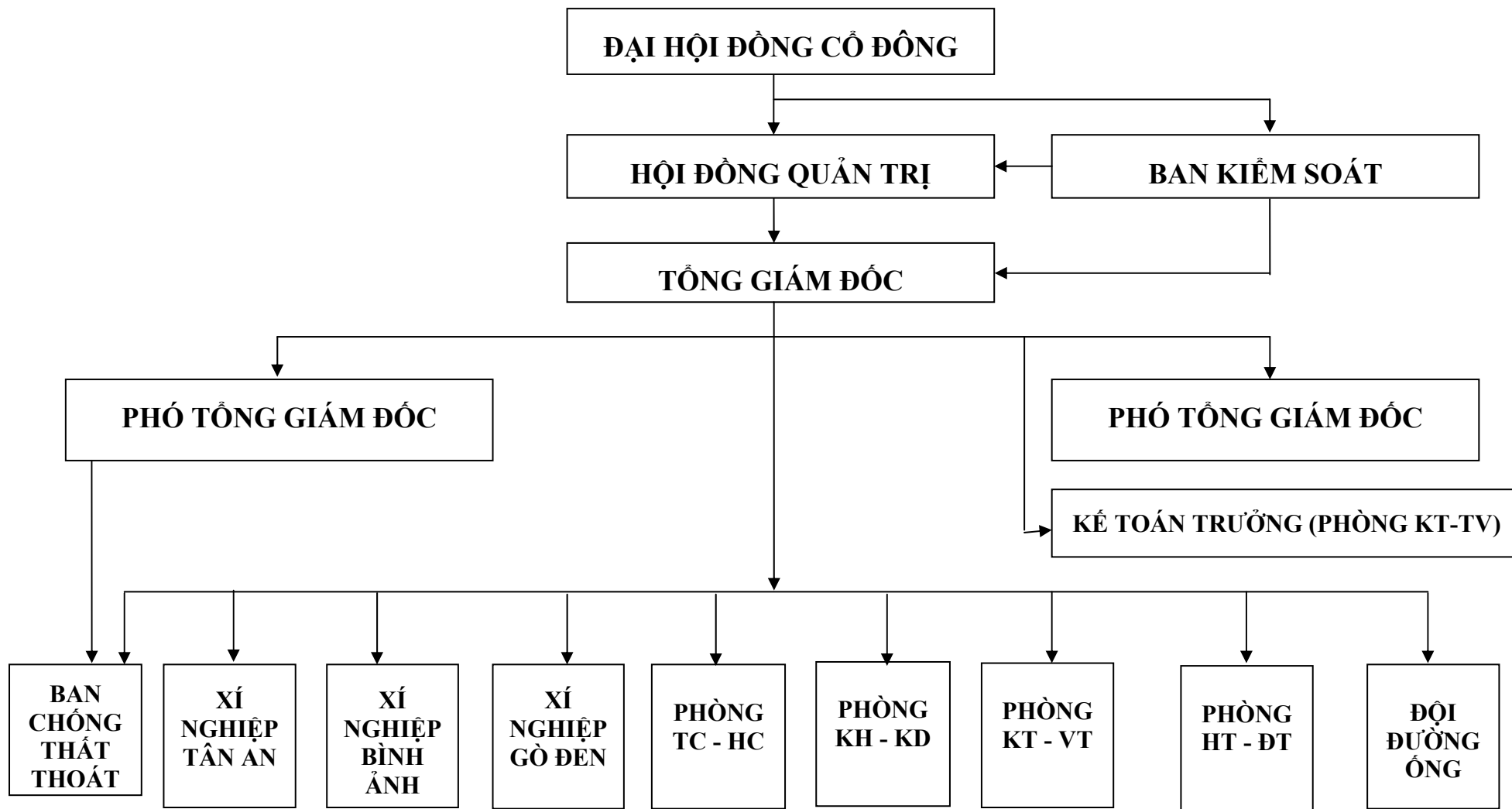
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

❖ Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc
- Các phòng ban

Sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần, mô hình tổ chức của Công ty được thể hiện ở sơ đồ sau:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG AN:**





## 11. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau khi cổ phần hóa

### 11.1. Cơ hội và thách thức

#### ❖ Cơ hội

- Lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An trong thời gian tới.
- Mô hình Công ty cổ phần mà Công ty sắp chuyển sang sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động không ngừng của tình hình kinh tế, xã hội.
- Bên cạnh đó, với lợi thế là Công ty cổ phần, LAWACO sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc huy động vốn khi có các dự án đầu tư hiệu quả với thời gian huy động nhanh đặc biệt là khi thị trường Chứng khoán ở Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển như hiện nay.

#### ❖ Thách thức

- Cũng như các Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần khác, LAWACO đã được thành lập và hoạt động dưới chế độ quốc hữu khá lâu, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc sát sao vào Nhà nước. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hoá đặc biệt là sự xáo trộn, thay đổi lớn trong phương thức quản trị điều hành của Công ty, đòi hỏi có một khoảng thời gian cho việc thích nghi.
- Việc giá nước được quy định từ các cơ quan chức năng cũng là một thách thức trong việc tạo đột phá cho doanh nghiệp trong kinh doanh.
- Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất trong ngành vẫn đang diễn ra gay gắt đặc biệt là trong khâu thu mua nguyên vật liệu đầu vào. Chính vì vậy, việc giữ vững và mở rộng thêm các nguồn nguyên liệu cho Công ty là hết sức cần thiết, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cơ quan ban ngành trong địa phương.

## **11.2. Định hướng phát triển của Công ty**

Với thế mạnh trong ngành sản xuất và cung Cấp nước sạch phục vụ sản xuất và tiêu dùng, LAWACO sẽ vẫn tiếp tục phát huy tiềm lực sẵn có bên cạnh mở rộng thêm một số lĩnh vực khác nhằm đa dạng hóa sản phẩm và phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau Cổ phần hóa, cụ thể:

- Duy trì ổn định lượng khách hàng tại địa phương Tỉnh Long An...
- Mở rộng thêm một số khu vực địa phương lân cận như Tiền Giang, hoặc một phần TP.HCM...
- Tăng cường đầu tư vào việc phát triển khách hàng sản xuất, trong đó tập trung tại các khu công nghiệp đang có chiều hướng mở rộng tại Tỉnh Long An.
- Đầu tư thêm cho lĩnh vực cung Cấp nước uống tinh khiết.

Ngoài ra, việc thực hiện cải tiến công tác quản lý để phù hợp theo mô hình mới - Công ty cổ phần nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của Công ty cũng rất được chú trọng.

Song song với cải tiến công tác quản lý, LAWACO cũng sẽ ra sức tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ và công tác cán bộ, xây dựng một đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao trong các lĩnh vực hoạt động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người.

## **11.3. Biện pháp thực hiện và tổ chức bộ máy Công ty cổ phần**

### **❖ Về tổ chức bộ máy Công ty cổ phần**

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội Đồng Quản Trị (HDQT), Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc. Việc thành lập HDQT, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về Công ty cổ phần; Cơ sở hoạt động của Công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.

- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng hệ thống bảng lương chức danh đúng với năng lực trình độ của CB CNV nhằm có cơ sở phân phối thu nhập phù hợp với việc sử dụng lao động. Cơ sở này sẽ tạo nên động lực lớn để các cá nhân trong tổ chức phấn đấu, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao đồng thời cũng nâng cao thu nhập của CB CNV giúp cuộc sống của họ được ổn định và sung túc hơn.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

#### ❖ Về sản xuất kinh doanh

Sau khi tiến hành cổ phần hóa, LAWACO vẫn tiếp tục triển khai và đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh mang tính truyền thống của Công ty cũng như mở ra những hướng đi mới để nâng cao tiềm lực của Công ty cổ phần với nội dung cụ thể như sau:

- Chủ động trọng việc lập kế hoạch đầu tư, sản xuất nhằm dự tính nguồn cung, chuẩn bị chu đáo các giải pháp cung ứng nhằm tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào.
- Cải tiến và bảo trì thường xuyên hệ thống cấp thoát nước nhằm giảm thiểu rủi ro thất thoát.
- Nghiên cứu để đưa vào đầu tư và cung cấp sản phẩm nước tinh khiết.
- Nghiên cứu và đầu tư máy móc thiết bị giảm thiểu nguồn lực con người, đồng thời tăng năng suất.

#### ❖ Về quản lý tài chính

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, nguồn tài chính lành mạnh và được quản lý chặt chẽ là vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp; chính vì thế, LAWACO đã sớm nhận

biết được tầm quan trọng đó và có những định hướng triển khai cụ thể nhằm kiểm soát một cách tốt nhất tình hình tài chính của Công ty:

- **Đối với nguồn vốn có được sau Cổ phần hóa:** LAWACO sẽ xây dựng những kế hoạch kinh doanh cụ thể dựa trên quá trình nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng những nhân tố bên ngoài cũng như các nhân tố bên trong nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho quá trình sử dụng vốn của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành củng cố và hoàn thiện bộ máy Kế toán đồng thời thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế tài chính đã được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị.
- **Đối với việc đầu tư, mở rộng sản xuất:** Trên cơ sở phân tích nhu cầu thực tế của Doanh nghiệp cùng với quá trình nghiên cứu thị trường, LAWACO sẽ có những kế hoạch mua sắm các phương tiện, máy móc cần thiết cho việc vận hành và mở rộng các nhà máy sản xuất cũng như đổi mới và nâng cấp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện tại cho Công ty.
- **Đối với công tác theo dõi công nợ:** LAWACO cũng có những biện pháp tăng cường cho hoạt động rà soát và kiểm tra quá trình thu hồi cũng như trả nợ, từ đó đưa ra những quyết định điều tiết phù hợp nhằm đảm bảo sự luân chuyển tốt và nâng cao tốc độ quay vốn lưu động cho Công ty. Khoản mục Công nợ phải trả cũng là một khoản mục quan trọng trong cơ cấu tài chính Công ty, trong thời gian sau Cổ phần hóa, cơ cấu nợ sẽ được điều chỉnh theo lộ trình, từng bước hoàn thiện các cán cân về tỷ số tài chính.
- **Đối với quá trình kiểm soát chi phí:** Cùng với lộ trình đại chúng hóa của Công ty cổ phần, việc công bố thông tin về kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp trong tương lai là điều tất yếu. Hơn thế nữa, với mô hình thị trường ngày càng mở, cạnh tranh giữa các Công ty trong ngành sẽ diễn ra ngày càng gay gắt. Chính vì vậy, LAWACO cũng đã sớm ý thức và đưa vào triển khai các công tác nhằm tiết giảm chi phí, từ đó giảm giá thành, nâng cao tỷ suất lợi nhuận, tăng cường sức cạnh tranh cho Công ty.
- **Đối với công tác phân tích và dự báo tài chính:** Trong môi trường cạnh tranh ngày nay, công tác phân tích và dự báo tài chính có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động của Công ty đặc biệt là các Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu. Do đó, LAWACO đã thường xuyên tiến hành phân tích hoạt động tài chính của đơn vị đồng thời đưa ra những dự báo có tính thận trọng nhằm báo cáo kịp thời với lãnh đạo về thực trạng tài chính của Công ty từ đó đưa ra được những chiến lược tài chính phù hợp và hiệu quả nhất với những biến động thường xuyên của nền kinh tế thị trường.

**11.4. Kế hoạch kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa**

Trên cơ sở các định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển nêu trên, dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần trong 03 năm tới như sau:

| STT | Diễn giải                                   | Đvt            | Năm 2013     | Năm 2014     | Năm 2015     |
|-----|---|----------------|--------------|--------------|--------------|
| 1   | Vốn điều lệ                                 | Tr.đồng        | 135.000      | 135.000      | 135.000      |
| 2   | Tổng doanh thu                              | “              | 77.510       | 80.610       | 91.000       |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế                        | “              | 10.400       | 11.000       | 12.500       |
| 4   | Tỷ lệ LNTT/Vốn điều lệ                      | %              | 7,70         | 8,15         | 9,26         |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế                          | Tr.đồng        | 7.800        | 8.250        | 9.375        |
| 6   | Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ                      | %              | 5,78         | 8,15         | 9,26         |
| 7   | Phân phối lợi nhuận                         |                | 7.800        | 8.250        | 9.375        |
|     | <i>Chia cổ tức</i>                          | <i>Tr.đồng</i> | <i>3.120</i> | <i>3.300</i> | <i>3.750</i> |
|     | <i>Quỹ Khen thưởng phúc lợi</i>             | “              | <i>1.560</i> | <i>1.650</i> | <i>1.875</i> |
|     | <i>Quỹ Dự phòng tài chính</i>               | “              | <i>780</i>   | <i>825</i>   | <i>937,5</i> |
|     | <i>Quỹ Đầu tư phát triển</i>                | “              | <i>1.560</i> | <i>1.650</i> | <i>1.875</i> |
|     | <i>Lợi nhuận giữ lại</i>                    | “              | <i>780</i>   | <i>825</i>   | <i>937,5</i> |
| 8   | Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ                    | %              | 2,31         | 2,44         | 2,78         |
| 9   | Tổng số lao động                            | Người          | 125          | 130          | 135          |
| 10  | Tổng quỹ lương                              | Tr.đồng        | 9.600        | 10.200       | 10.900       |
| 11  | Thu nhập bình quân của người lao động/tháng | Ng.đồng        | 6.400        | 6.540        | 6.740        |

(Nguồn: LAWACO)

**12. Các rủi ro dự kiến****12.1. Rủi ro về kinh tế**

Cũng như các doanh nghiệp khác hoạt động sản xuất trong ngành hàng tiêu dùng, sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của LAWACO.

Từ năm 2008 đến thời điểm hiện tại, chứng kiến sự biến động bất thường của nền kinh tế thế giới đặc biệt là cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam cũng ở trong vòng xoáy khủng hoảng đó và phải đối mặt với hàng loạt khó khăn như lạm phát tăng cao, tình hình thị trường tài chính và tiền tệ đều có những diễn biến không thuận lợi... thì hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

Tuy nhiên, sau những nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ, như: ưu tiên kiềm chế lạm phát, giảm lãi suất cơ bản, tại thời điểm kết thúc năm 2012, sang năm 2013 là thời điểm LAWACO đi vào hoạt động với mô hình Công ty cổ phần sẽ hứa hẹn nhiều cơ hội ổn định hoạt động và thích nghi với nền kinh tế nhiều cạnh tranh.

### **12.2. *Rủi ro về luật pháp***

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong vấn đề đất đai nói riêng và hệ thống văn bản pháp quy nói chung.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường... Theo dự kiến, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng phần nào tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

### **12.3. *Rủi ro đặc thù***

Với đặc điểm là đơn vị sản xuất cung Cấp nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, Doanh nghiệp phải gánh chịu rủi ro đặc thù về vấn đề thất thoát trong quá trình cung cấp. Theo đó, việc giải quyết bài toán chống thất thoát là một thách thức không nhỏ đối với ban lãnh đạo và người lao động của Công ty. Tuy nhiên, việc giải quyết bài toán chống thất thoát nước sạch cũng là một nhiệm vụ chung của cả những người tiêu dùng sử dụng.

Với công cụ sản xuất là hệ thống sản xuất và cung Cấp nước sạch, Công ty luôn đòi hỏi một nguồn chi phí lớn cho việc xây dựng, bảo quản và sửa chữa hệ thống này, trong khi chi phí của việc này là không nhỏ, phụ thuộc rất lớn và thị trường nguyên vật liệu, đây cũng là một rủi ro mà doanh nghiệp gặp phải.

### **12.4. *Rủi ro của đợt chào bán***

Được thành lập từ năm 2000 và còn tương đối non trẻ, những thực trạng đang diễn ra trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay cũng như tâm lý của các nhà đầu tư chưa thật sự ổn định. Phần đông trong số họ đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ cũng như những dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế, dẫn đến tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC chưa thực sự sôi

động. Chính vì thế, quyết định chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty vào thời điểm này có thể sẽ gặp một số khó khăn và bất lợi nhất định.

Đây là thời điểm khó khăn của ngành tài chính ngân hàng tại Việt Nam, rất nhiều cổ phiếu tại các sàn giao dịch chứng khoán đang có giá trị thấp vẫn không thu hút được nhà đầu tư, việc đấu giá cổ phiếu của doanh nghiệp cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn do tình hình chung này.

### **12.5. *Rủi ro khác***

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội...

## **III. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ**

Thực hiện cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, kính đề nghị UBND Tỉnh Long An xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước.

## PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có quyết định chuyển Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Long An thành Công ty cổ phần, Công ty triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

*(Dự kiến cuối tháng 03 năm 2013 phương án cổ phần hóa Công ty được duyệt và có quyết định chuyển Công ty thành Công ty cổ phần)*

| TT | Nội dung công việc   | Thời gian    |
|----|--|--------------|
| 1  | Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài   | T04-T05/2013 |
| 2  | Tổ chức bán cổ phần cho CB CNV, nhà đầu tư chiến lược  | T04-T05/2013 |
| 3  | Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa  | T05/2013     |
| 4  | Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát  | T06/2013     |
| 5  | Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần  | T06/2013     |
| 6  | Sau khi có quyết định bổ nhiệm Ban Giám đốc, Kế toán trưởng mới; Công ty sẽ làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới, tiến hành in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần | T06/2013     |
| 7  | Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách cho HĐQT  | T07/2013     |
| 8  | Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định   | T07/2013     |

*TP. Tân An, ngày ... tháng 03 năm 2013*

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC LONG AN  
GIÁM ĐỐC**

*Đã ký*

**PHẠM QUỐC THẮNG**